TRƯỜNG THPT UÔNG BÍ

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A1

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN QUỐC ANH		6.0			8.0			5.0						6.0			7.0	6.5		9.0			4.5						5.5			8.0				
2	NGUYỄN VIỆT ANH	9	9.5			5.0			6.0						10			8.0	5.5		9.0			5.0						8.5			8.0				
3	TRẦN HOÀNG ANH		4.0			7.0			5.0						7.0			7.5	6.0		8.0			6.0						7.0			9.0				
4	VŨ PHƯƠNG ANH		4.0			6.5			7.0						6.0			8.0	6.0		8.0			4.0						8.5			9.0				
5	CÙ THỊ MINH ÁNH	9	8.0			7.0			5.0						7.0			8.0	7.0		9.0			7.0						7.0			9.0				
6	LÊ MINH CHIẾN	9	9.5			5.5			7.5						8.0			8.0	7.5		9.0			6.0						7.0			8.0				
7	NGUYỄN THỊ CHUNG	9	10			8.0			6.0						5.0			7.5	7.0		8.0			7.0						9.0			9.0				
8	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	8	9.0			6.0			5.0						7.0			7.5	6.0		9.0			5.0						6.5			9.0				
9	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG		8.5			6.0			9.0						10			7.5	7.0		9.0			7.0						8.5			9.0				
10	ĐỖ TIẾN ĐẠT		5.0			6.0			1.0						7.0			6.0	5.0		8.0			5.0						6.5			7.0				
11	HOÀNG CÔNG ĐẠT		7.5			5.5			5.0						6.0			5.0	4.5		9.0			4.0						5.5			8.0				
12	NGUYỄN KHẮC ĐẠT		8.5			5.0			9.0						7.0			8.0	7.5		9.0			5.0						8.0			8.0				
13	NGUYỄN MINH ĐỨC		8.0			7.0			9.0						8.0			7.5	6.5		9.0			5.0						8.5			8.0				
14	PHẠM CHÂU GIANG		9.5			9.0			7.0						10			8.0	7.0		8.0			9.5						8.5			9.0				
15	LÊ PHƯƠNG HIỀN	9	9.5			6.0			3.0						9.0			7.5	6.0		9.0			6.0						7.0			9.0				
16	VŨ MINH HỒNG	9	7.0			5.0			5.0						6.0			8.0	7.5		9.0			4.5						8.0			9.0				
17	LÊ CÔNG HUY		5.0			8.5			5.0						6.0			7.0	7.0		9.0			6.0						7.0			8.0				
18	ĐẶNG THU HUYỀN		7.0			8.0			9.0						8.0			7.5	7.0		9.0			4.5						8.5			9.0				
19	TRẦN ĐỨC HÙNG		6.5			6.5			5.0						8.0			7.0			9.0			7.5						5.5			9.0				
20	NGUYỄN THU HƯỜNG		7.0			7.0			5.0						8.0			7.0	7.0		9.0			7.0						7.0			9.0				
21	NGUYỄN HƯƠNG LAN		7.0			7.0			6.0						6.0			8.0	7.5		9.0			7.5						5.5			9.0				
22	PHAN THỊ KHÁNH LINH		6.0			6.5			7.0						7.0			7.0	7.0		9.0			4.5						6.0			9.0				
23	TRƯƠNG THỊ NGỌC MAI		8.0			6.0			8.5						8.0			8.5	7.0		9.0			7.0						9.0			9.0				
24	NGUYỄN ĐỨC MẠNH		7.0			3.0			2.5						5.0			6.0	7.0		9.0			7.0						7.0			8.0				
25	NGUYỄN BÍCH NGỌC		6.0			6.0			7.5						5.0			7.5	6.0		9.0			3.0						7.0			9.0				
26	PHẠM THỊ THANH NHÀN		8.5			4.0			2.5						5.0			8.0	7.0		9.0			5.0						7.5			8.0				
27	NGUYỄN ĐỒNG PHÚC		7.0			3.0			1.0						5.0			7.0	7.0		8.0			7.0						7.0			8.0				
28	TRẦN MINH QUÂN	8	9.0			8.5			7.5						8.0			7.0	8.0		9.0			8.0						8.5			8.0				
29	NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO		5.5			5.0			5.0						5.0			8.0	7.5		8.0			3.0						8.5			9.0				
30	ĐỒNG BÍCH THỦY		8.5			6.5			3.0						5.0			8.0	8.0		9.0			8.0						8.0			9.0				
31	NGUYỄN MINH THƯ		6.0			6.0			5.0						5.0			7.0	7.0		9.0			3.0						6.0			9.0				
32	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	9	9.0			9.0			7.5						5.0			7.5	7.0		9.0			8.0						7.5			8.0				
33	HOÀNG QUỲNH TRANG		5.0			5.5			7.5						5.0			7.5	7.0		8.0			5.0						8.0			9.0				
34	VŨ HUYỀN TRANG		9.0			6.0			9.5						9.0			8.0	7.5		9.0			6.5						8.0			9.0				
35	PHẠM NGUYỄN TUẤN		3.0			6.5			7.5						6.0			7.5	6.5		8.0			6.0						9.0			8.0				
36	NGUYỄN HOÀNG TÙNG		7.0			5.0			7.5						7.0			8.0	6.5		9.0			5.0						8.5			8.0				
37	NGUYỄN NGỌC UYÊN		8.5			5.0			2.5						6.0			8.0	8.0		9.0			9.0						6.0			8.0				
38	NGUYỄN THẢO VÂN		8.5			5.0			7.5						7.0			7.0	6.5		8.0			8.0						7.0			8.0				
39	VŨ HẢI YẾN	9	9.5			5.5			5.0						8.0			9.0	7.5		9.0			9.5						8.5			9.0				
40																																					
41																																					
42																																					
43																																					
44																																					
45																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A2

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	VƯƠNG QUỐC AN	9	7.0			10			3.0						8.0			7.5	7.0		8.0			9.0						9.0			9.0				
2	VY HOÀNG AN		7.0			6.0			3.0						9.0			7.5	6.5		9.0			7.0						8.5			8.0				
3	LÊ QUỐC ANH	9	7.0			6.0			5.0						6.0			6.5	6.5		8.0			6.5						9.0			8.0				
4	NGUYỄN THỊ MINH ANH		7.0			5.0			3.0						5.0			7.5	7.0		8.0			5.0						8.5			9.0				
5	PHẠM NGỌC THIÊN ANH		7.0			5.0			3.0						5.0			8.0	7.0		9.0			3.5						9.0			9.0				
6	TRẦN THỊ LAN ANH	8	7.0			7.0			7.5						7.0			6.0	7.0		9.0			8.0						8.5			9.0				
7	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH		7.0			7.0			3.0						8.0			6.5	7.5		9.0			9.0						6.0			9.0				
8	NGUYỄN THIÊN BÌNH		8.5			5.0			7.5						8.0			8.0	6.5		8.0			7.5						8.0			8.0				
9	TRẦN MINH ĐỨC	9	7.0			6.0			4.0						8.0			6.0	5.5		8.0			8.0						6.5			8.0				
10	NGUYỄN NGỌC HẢO		7.0			8.0			5.0						5.0			6.0	5.5		8.0			3.5						7.0			9.0				
11	ĐẶNG THU HIỀN		7.0			5.0			5.0						6.0			6.5	7.0		8.0			3.5						5.5			9.0				
12	NGUYỄN THỊ THANH HOA		7.0			5.0			5.0						7.0			6.5	6.5		8.0			6.5						6.5			9.0				
13	NGUYỄN NGỌC HUY	8	4.5			7.0			3.0						6.0			7.5	6.5		8.0			6.5						7.5			8.0				
14	ĐOÀN KHÁNH HUYỀN	8	5.5			5.0			6.0						9.0			7.0	7.0		9.0			7.5						7.0			9.0				
15	LẠI THANH LAN		10			6.0			6.0						9.0			7.5	6.0		8.0			4.5						8.0			8.0				
16	LÂM PHƯƠNG LÂM		7.0			6.0			5.0						5.0			8.0	6.0		8.0			7.5						6.5			8.0				
17	BÙI KHÁNH LINH		5.5			5.0			3.0						8.0			8.0	7.0		8.0			6.0						6.0			9.0				
18	ĐOÀN KHÁNH LINH	9	7.5			8.0			7.5						9.0			8.0	6.5		8.0			6.5						8.5			9.0				
19	LÊ THÙY LINH		8.5			6.0			5.0						8.0			7.5	7.0		8.0			9.0						8.5			8.0				
20	NGUYỄN HÀ LINH		4.5			7.0			3.0						5.0			7.0	6.0		8.0			3.5						8.5			9.0				
21	PHẠM CAO KHÁNH LY	9	7.0			8.0			7.5						8.0			7.5	7.5		8.0			8.0						7.0			9.0				
22	HUỲNH BẢO NAM		6.0			9.0			4.5						6.0			6.5	5.5		8.0			8.0						8.0			8.0				
23	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NHI		10			5.0			7.5						5.0			5.5	6.5		8.0			3.5						7.5			8.0				
24	TƯỜNG THẾ PHÚ	9	6.5			9.0			6.0						9.0			7.5	7.0		8.0			9.0						7.5			8.0				
25	NGUYỄN VĂN QUÂN		7.0			5.0			4.0						9.0			7.5	6.5		8.0			2.5						8.5			8.0				
26	NGUYỄN NHƯ QUỲNH		7.5			7.0			5.0						9.0			8.5	6.5		8.0			7.5						5.5			9.0				
27	HÀ THÁI SƠN		5.0			7.0			3.0						7.0			6.5	6.5		9.0			8.0						7.0			8.0				
28	NGUYỄN HÀ TÀI		6.0			6.0			5.0									6.0	6.5		9.0			3.5						8.5			9.0				
29	NGUYỄN PHƯƠNG THANH		7.0			9.0			5.0						8.0			8.0	7.5		9.0			6.0						9.5			9.0				
30	LÊ THANH THẢO		6.0			5.0			6.0						9.0			7.5	8.0		8.0			6.0						8.0			9.0				
31	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO		7.0			6.0			6.0						5.0			8.0	8.0		8.0			4.0						8.0			9.0				
32	HOÀNG CHIẾN THẮNG		5.0			5.0			5.0						5.0			6.0	6.5		9.0			5.0						8.0			9.0				
33	ĐINH ĐỨC THỊNH		9.5			10			3.0						8.0			6.5	6.5		9.0			9.5						8.0			8.0				
34	NGUYỄN QUỲNH TRANG		8.0			6.0			6.0						5.0			8.5	7.5		8.0			5.0						7.5			7.0				
35	LẠI ĐỨC TRƯỜNG		8.0			6.0			2.0						5.0			5.5	4.5		9.0			6.0						6.0			7.0				
36	NGUYỄN LÊ SỸ TÙNG		7.5			6.0			7.5						6.0			6.5	6.5		8.0			6.0									8.0				
37	NGUYỄN VĂN TÚ		8.0			7.0			7.5						5.0			8.0	5.0		8.0			7.5						7.5			8.0				
38	ĐINH NGỌC VÂN		6.5			6.0			6.0						5.0			7.0	6.5		8.0			6.0						7.0			9.0				
39	LÊ QUỐC VƯỢNG		6.5			6.0			7.5						7.0			7.5	6.5		8.0			6.5						8.0			8.0				
40	NGUYỄN THỊ XOẠN	9	7.5			9.0			7.5						6.0			8.0	8.0		8.0			6.0						7.5			9.0				
41																																					
42																																					
43																																					
44																																					
45																																					
46																																					
47																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A3

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN TRƯỜNG AN		4.0			6.5			8.0						9.0			8.0	7.5		9.0			8.0						8.0			8.0				
2	NGUYỄN TUẤN ANH		6.0			6.5			9.5						8.0			8.5	7.5		9.0			7.5						9.0			8.0				
3	TRẦN THỊ HỒNG ÁNH	9	8.0			5.5			5.0						9.0			8.0	8.0		8.0			7.5						9.5			9.0				
4	NGUYỄN THỊ AN BÌNH		5.0			5.5			7.5						7.0			7.5	8.0		9.0			6.5						7.5			9.0				
5	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH		6.0			6.0			5.0						7.0			8.0	7.0		8.0			3.0						9.5			9.0				
6	NGUYỄN ĐỨC CẢNH		5.0			5.0			10						8.0			7.0	7.0		8.0			8.0						9.0			7.0				
7	VŨ KIM DUNG		4.0			6.0			5.0						8.0			8.0	7.0		8.0			7.5						8.0			8.0				
8	LÊ BÁ KHÁNH DƯƠNG	9	8.0			7.0			7.5						9.0			6.5	7.0		9.0			8.0						8.5			9.0				
9	VŨ THÙY DƯƠNG		4.0			7.0			7.5						8.0			9.0	7.5		8.0			6.5						7.5			8.0				
10	NGÔ THỊ HỒNG HẠNH		4.0			7.0			9.0						7.0			7.5	7.0		8.0			6.5						9.0			9.0				
11	PHẠM TRUNG HIẾU		6.0			10			5.0						8.0			8.5	7.0		8.0			7.5						9.0			8.0				
12	BÙI THỊ KHÁNH HÒA		3.0			7.5			9.0						7.0			8.5	7.0		8.0			8.5						8.5			9.0				
13	ĐẶNG GIA HUY		6.0			5.5			10						7.0			7.5	7.5		9.0			9.5						8.0			8.0				
14	NGUYỄN ĐỨC HUY		4.0			5.0			10						8.0			7.0	7.0		9.0			7.0						9.0			8.0				
15	VÕ THỊ NGỌC HUYỀN		6.0			7.0			9.0						9.0			8.0	8.0		9.0			5.0						8.0			8.0				
16	NGUYỄN DUY HƯNG	9	8.0			4.0			7.0						8.0			6.5	5.5		9.0			3.0						7.5			8.0				
17	NGUYỄN NGỌC KHÁNH		9.0			5.0			7.5						7.0			7.5	7.0		9.0			8.0						8.0			8.0				
18	NGUYỄN TRUNG KIÊN		4.0			5.0			9.0						9.0			7.0	7.0		9.0			9.0						9.0			9.0				
19	NGUYỄN HOÀNG KỲ		9.0			5.5			7.5						9.0			7.5	7.0					9.0						8.0			8.0				
20	LÊ PHONG LAN		2.0			4.0			5.0						8.0			7.5	7.5		9.0			4.5						9.5			9.0				
21	BÙI THẾ LÂM		3.0			5.0			10						8.0			8.0	6.5		8.0			6.0						9.5			8.0				
22	PHẠM HUYỀN LINH		4.0			5.5			5.0						8.0			8.5	6.5		8.0			3.0						8.0			8.0				
23	ĐẶNG HẢI LONG		7.0			6.5			7.5						7.0			6.0	5.5		8.0			5.0						7.0			8.0				
24	NGUYỄN TẤN HOÀNG LONG		3.0			6.5			7.5						6.0			8.5	6.5		8.0			6.5						9.0			7.0				
25	LÊ HỒNG MẠNH		5.0			5.5			7.5						7.0			8.5	7.0		9.0			8.0						8.5			7.0				
26	LÊ THỊ THU MÂY		4.0			7.5			7.5						7.0			6.0	6.5		9.0			5.0						7.5			9.0				
27	HOÀNG THỊ HÀ MY		6.0			9.0			9.0						8.0			9.0	7.5		8.0			9.0						9.5			9.0				
28	VŨ THÚY NGA		4.0			6.5			7.5						8.0			8.0	8.0		9.0			6.5						9.5			8.0				
29	NGUYỄN LAM NGỌC		5.0			4.0			5.0						9.0			9.0	8.0		8.0			7.5						8.0			8.0				
30	NGUYỄN THỊ HOÀNG NGUYỆT		4.0			5.0			10						9.0			7.0	8.0		8.0			7.5						9.0			8.0				
31	VŨ KHÁNH NINH		3.0			6.0			5.0						8.0			7.5	6.0		9.0			6.0						9.5			9.0				
32	NGUYỄN ĐỨC QUYẾT		4.0			7.0			10						8.0			7.5	8.0		8.0			6.0						9.0			8.0				
33	LƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH		3.0			3.5			5.0						7.0			6.5	5.5		9.0			6.5						8.0			8.0				
34	PHẠM TRUNG THÀNH		3.0			6.0			5.0						8.0			8.5	7.0		9.0			5.0						9.5			8.0				
35	DƯƠNG THANH THẢO		4.0			5.0			8.5						10			7.0	6.5		10			7.0						9.0			9.0				
36	ĐÀO ĐỨC THẮNG		6.0			5.0			7.5						7.0			7.0	5.5		8.0			9.0						7.5			9.0				
37	HOÀNG THỊ THÚY		4.0			7.0			10						8.0			8.5	7.5		8.0			7.5						9.0			8.0				
38	TRẦN THU THỦY		3.0			5.5			3.0						8.0			7.0	7.0		8.0			6.0						8.0			8.0				
39	VŨ THỊ THU THỦY		3.0			6.0			9.0						8.0			8.5	7.0		8.0			6.0						9.0			8.0				
40	TRỊNH BẢO TRÂM		6.0			6.0			7.5						9.0			7.0	7.0		8.0			8.0						9.0			8.0				
41																																					
42																																					
43																																					
44																																					
45																																					
46																																					
47																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A4

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	BÙI LINH ANH		8.0			6.0			8.0						7.0			6.0	6.5		9.0			6.5						7.5			9.0				
2	LƯƠNG MINH ANH		10			10			10						6.0			7.5	7.0		9.0			6.3						10			9.0				
3	NGUYỄN HOÀI ANH		9.0			5.5			9.0						6.0			9.0	7.5		9.0			7.5						8.0			9.0				
4	NGUYỄN QUỲNH ANH		7.0			8.0			9.0						6.0			7.0	7.0		9.0			5.5						9.0			9.0				
5	BÙI SINH CƯỜNG	10	10			6.0			8.0						10			7.0	7.0		10			7.3						9.0			10				
6	TRỊNH VIỆT CƯỜNG		8.0			7.5			9.0						10			7.5	4.5		9.0			5.5						8.5			9.0				
7	NGUYỄN MỸ DUYÊN		8.0			4.0			8.0						9.0			7.5	6.5		9.0			8.0						8.0			9.0				
8	HỒ VIỆT DƯƠNG		6.0			5.5			9.0						6.0			7.0	3.5		9.0			7.5						8.0			9.0				
9	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG		8.0			5.0			7.0						6.0			6.5	5.0		9.0			6.5						9.5			9.0				
10	VŨ TIẾN ĐẠT		7.0			9.0			7.0						5.0			7.5	4.0		9.0			6.5						9.0			10				
11	NGUYỄN MINH ĐỨC		9.0			4.5			7.0						9.0			7.0	8.0		9.0			6.0						8.5			10				
12	ĐẶNG VIỆT HÀ		10			6.0			9.0						6.0			8.0	6.0		9.0			5.5						9.0			10				
13	NGUYỄN SƠN HÀ		10			5.0			10						10			7.0	7.5		9.0			6.5						8.5			9.0				
14	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ		7.0			6.0			9.0						6.0			8.0	7.5		9.0			6.6						9.5			10				
15	HOÀNG THÚY HIỀN		9.0			9.0			9.0						7.0			8.0	8.0		9.0			6.0						8.5			9.0				
16	ĐÀO GIA HIẾU		9.0			5.5			7.0						8.0			5.5	3.5		9.0			7.5						9.0			10				
17	TRẦN NGỌC HOÀN		7.0			8.5			9.0						7.0			7.0	5.5		9.0			3.0						9.5			9.0				
18	ĐẶNG ĐỨC HUY		9.0			8.0			6.0						6.0			8.5	6.5		9.0			4.5						8.0			9.0				
19	VŨ TIẾN HUY	10	10			6.0			8.0						5.0			7.5	6.0		9.0			6.0						8.5			9.0				
20	NGUYỄN THU HUYỀN		6.0			2.5			8.0						7.0			7.0	7.5		9.0			7.5						9.0			9.0				
21	LÊ ĐÌNH HƯƠNG		8.0			4.0			8.0						6.0			6.0	5.5		9.0			7.5						8.0			10				
22	BÙI MINH KIÊN		10			7.5			7.0						6.0			6.5	5.5		9.0			7.5						8.5			10				
23	NGUYỄN KHẢI LAM	10	10			9.0			10						9.0			8.0	8.5		9.0			5.5						9.0			10				
24	BÙI KHÁNH LINH		10			7.0			10						6.0			6.5	8.0		9.0			6.0						7.5			9.0				
25	HOÀNG PHƯƠNG LINH		9.0			7.5			8.0						6.0			8.0	4.5		9.0			6.0						9.5			10				
26	TRẦN HUYỀN LINH		7.0			6.0			5.0						7.0			6.5	5.0		9.0			7.5						8.0			9.0				
27	VŨ THẢO LINH		7.0			5.0			5.0						6.0			5.5	5.0		9.0			9.5						9.5			9.0				
28	ĐỖ KHÁNH LONG		7.0			3.0			5.0						6.0			7.0	7.5		9.0			8.0						8.5			9.0				
29	NGUYỄN LƯU NGỌC MAI		9.0			5.0			9.0						7.0			7.5	6.5		10			7.5						9.5			10				
30	NGUYỄN HÀ MY		10			6.0			7.0						6.0			8.5	6.5		9.0			7.5						8.5			10				
31	NGUYỄN THỊ MỸ		8.0			6.0			7.0						8.0			6.0	7.5		9.0			7.5						8.0			9.0				
32	NGUYỄN NHẬT NAM		6.0			3.0			4.0						7.0			8.0	5.5		10			7.5						7.5			9.0				
33	ĐỖ MINH NGHĨA		10			5.5			9.0						9.0			6.5	4.5		9.0			7.5						7.5			9.0				
34	PHÙNG NINH NHẬT		6.0			8.0			9.0						6.0			7.5	7.5		9.0			5.5						10			9.0				
35	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH		5.0			1.0			7.0						6.0			5.0	6.5		9.0			5.5						8.0			9.0				
36	TRỊNH HƯƠNG QUỲNH		10			8.0			9.0						7.0			6.5	5.5		9.0			4.5						9.0			9.0				
37	NGUYỄN NGỌC THAO		10			8.0			9.0						7.0			7.0	6.0		9.0			3.0						9.0			9.0				
38	NGUYỄN MINH THÀNH		7.0			5.5			8.0						6.0			6.0	7.5		9.0			4.5						9.5			9.0				
39	NGUYỄN TRUNG THÀNH		7.0			4.5			9.0						5.0			7.0	5.0		9.0			4.5						7.0			8.0				
40	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO		9.0			9.0			9.0						7.0			8.5	5.5		9.0			5.5						8.5			8.0				
41	NGUYỄN CHIẾN THẮNG		4.0			5.0			7.0						7.0			6.0	5.5		9.0			5.5						9.5			8.0				
42	PHẠM XUÂN TIẾN		10			9.0			8.0						9.0			8.0	8.0		9.0			6.0						9.0			10				
43	VŨ THỊ THU TRANG		8.5			6.5			9.0						7.0			7.5	7.0		9.0			6.5						9.0			10				
44	HÀ NGÔ TRẦN TRUNG		10			8.0			9.0						8.0			8.0	6.0		9.0			7.5						8.5			10				
45	ĐINH ĐỨC TÚ		9.0			9.0			8.0						7.0			7.0	6.0		9.0			7.5						9.0			8.0				
46	PHAN THỊ TỐ UYÊN		8.0			7.5			9.0						7.0			6.5	5.0		9.0			8.0						9.5			9.0				
47	NGUYỄN THẢO VÂN		10			5.5			10						8.0			6.0	7.0		9.0			7.5						8.0			9.0				
48	PHẠM CÔNG TÚ														8.0			7.5	6.0		9.0			5.5									9.0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A5

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	ĐOÀN LÊ KHÁNH AN		8.0			7.5			8.0						9.0				7.5		9.0			7.0						8.5			9.0				
2	ĐOÀN THU AN	8	5.0			7.0			6.0						9.0				7.0		9.0			8.5						8.0			9.0				
3	KIỀU TUẤN ANH		6.0			8.0			9.0						8.0				7.0		9.0			7.9						8.5			9.0				
4	LÊ QUỲNH ANH		6.0			6.0			7.0						7.0				7.5		9.0			6.5						9.0			9.0				
5	NGÔ LAN ANH		6.0			5.5			8.0						7.0				6.5		9.0			5.0						7.5			9.0				
6	NGÔ TUYẾT ANH		5.0			7.0			7.0						8.0				8.5		9.0			6.0						7.0			9.0				
7	NGUYỄN ĐỨC ANH		7.0			6.0			5.0						8.0				6.0		9.0			3.5						8.0			9.0				
8	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH		8.0			8.0			8.0						9.0				7.5		9.0			9.5						9.0			9.0				
9	NGUYỄN TÚ MINH ANH		5.0			6.0			7.0						10				7.5		9.0			2.5						6.0			9.0				
10	NGUYỄN VIỆT ANH		6.0			6.0			7.0						7.0				6.5		8.0			6.5						7.0			10				
11	PHẠM NGỌC ANH		8.0			9.0			10						9.0				8.0		9.0			9.5						8.5			10				
12	TRẦN ĐẠI BÁCH		6.0			7.0			6.0						9.0				6.0		8.0									6.5			10				
13	PHÙNG HÀ CHI		7.0			6.5			9.0						10				8.0		9.0			5.5						9.0			9.0				
14	VŨ QUỐC CHƯƠNG		9.0			9.0			9.0						8.0				7.5		9.0			8.5						7.5			9.0				
15	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG		6.0			6.5			7.0						10				6.5		9.0			6.0						8.0			10				
16	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG		5.0			8.0			6.0						9.0				7.0		9.0			6.0						9.0			9.0				
17	PHẠM THỊ DUYÊN		5.0			8.0			8.0						10				8.0		8.0			8.0						8.0			9.0				
18	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG		5.0			9.0			6.0						9.0				5.0		9.0			6.0						6.0			9.0				
19	TRẦN ANH ĐỨC		6.0			6.0			6.0						7.0				8.0		9.0			4.5						9.0			9.0				
20	NGUYỄN HỒNG HẠNH	9	8.0			5.5			8.0						9.0				7.5		9.0			8.0						8.0			9.0				
21	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG	9	6.0			5.0			9.0						8.0				8.0		10			4.0						7.0			9.0				
22	PHẠM LÊ TUẤN KHÔI		8.0			8.0			10						9.0				8.0		9.0			9.5						9.0			10				
23	TRẦN VIỆT TẤN KIỆT		8.0			10			7.0						10				7.5		9.0			5.5						7.0			9.0				
24	ĐỖ NGỌC LAN		8.0			6.5			6.0						9.0				7.5		8.0			8.5						8.5			9.0				
25	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN		9.0			9.0			10						10				8.0		8.0			8.5						8.0			9.0				
26	CAO KHÁNH LINH		10			7.0			9.0						10				8.0		8.0			7.5						8.5			10				
27	NGUYỄN CAO LINH		6.0			6.0			5.0						10				6.5		9.0			9.0						5.5			10				
28	PHẠM THÙY LINH		6.0			9.0			8.0						9.0				8.5		9.0			7.5						7.0			9.0				
29	NGUYỄN THỊ HIỀN MAI		6.0			9.0			9.0						7.0				7.0		8.0			7.5						7.5			10				
30	PHẠM NGỌC MAI		8.0			7.5			9.0						9.0				7.0		9.0			6.5						5.5			10				
31	NGUYỄN QUANG MINH		10			8.5			7.0						7.0				7.5		9.0									8.5			9.0				
32	NGUYỄN HẢI NAM		6.0			10			9.0						9.0				7.0		9.0			9.5						6.5			10				
33	UÔNG HỒNG NGỌC		6.0			9.0			9.0						10				8.0		9.0			5.5						8.5			9.0				
34	TRẦN THỊ NHI		9.0			9.0			9.0						10				8.0		9.0			6.0						8.5			9.0				
35	PHẠM HỒNG PHÚC		10			9.0			8.0						10				8.0		8.0			8.0						7.5			10				
36	LẠI HÀ PHƯƠNG		7.0			10			10						9.0				8.0		9.0			9.0						7.5			9.0				
37	TRẦN VĂN QUÂN		8.0			7.0			9.0						9.0				7.5		9.0			8.0						8.0			8.0				
38	NGUYỄN NHẬT TÂN		8.0			8.0			7.0						9.0				5.0		9.0			8.0						8.0			8.0				
39	LÊ SĨ THÀNH		9.0			7.5			10						9.0				7.5		9.0			8.0						8.0			8.0				
40	NGUYỄN NHẬT THÀNH		8.0			6.0			10						10				7.0		9.0			6.5						8.5			8.0				
41	MẠNH BÙI THU THỦY		6.0			7.0			10						9.0				6.5		8.0			6.5						7.5			10				
42	DƯƠNG NGUYỄN THÙY TRANG		5.0			9.0			9.0						7.0				7.0		10			6.5						6.5			9.0				
43	LÊ THỊ MINH TRANG	9	10			7.5			9.0						8.0				7.5		9.0			6.0						8.0			9.0				
44	BÙI MẠNH TRƯỜNG		10			10			10						9.0				7.0		9.0			6.5						6.5			8.0				
45	NGUYỄN QUANG TÙNG		10			8.0			10						10				6.0		9.0			9.5						7.0			8.0				
46	PHẠM ĐÌNH KHÁNH VÂN		8.0			8.0			7.0						9.0				7.5		9.0			7.5						9.0			9.0				
47																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A6

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A6

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	LÊ TRÂM ANH		6.0			5.0			6.0						9.0			7.0	6.5		8.0			3.5						7.0			8.0				
2	NGUYỄN PHÙNG THẢO ANH		8.0			5.0			10						8.0			7.0	7.0		8.0			4.5						7.0			9.0				
3	NGUYỄN TUẤN ANH		8.0			7.0			7.0						7.0			8.0	7.0		7.0			4.5						8.0			9.0				
4	PHẠM ĐỨC ANH		7.0			4.0			5.0						8.0			8.0	6.5		7.0			4.5						5.0			9.0				
5	PHẠM THỊ NGỌC ANH		10			10			9.0						7.0			8.0	8.0		8.0			4.0						9.0			10				
6	MAI NGỌC ÁNH		8.0			2.0			7.0						8.0			7.0	7.0		8.0			4.5						8.0			9.0				
7	NGUYỄN NGỌC ÁNH	9	6.0			3.0			9.0						9.0			8.0	6.5		8.0			2.5						8.0			9.0				
8	NGUYỄN MINH CHÂU		7.0			5.0			7.0						8.0			8.0	8.0		8.0			7.0						8.0			9.0				
9	NGUYỄN KHÁNH CHI		6.0			4.0			9.0						7.0			8.0	6.5		8.0			4.5						8.0			8.0				
10	HOÀNG QUỐC CƯỜNG		6.0			6.0			6.0						8.0			7.0	7.0		8.0			5.5						3.0			9.0				
11	PHẠM ĐÌNH CƯỜNG		7.0			4.0			10						9.0			7.0	6.5		9.0			7.3						5.0			9.0				
12	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG		8.0			9.0			8.0						8.0			7.0	8.0		9.0			4.5						9.0			9.0				
13	TRẦN TÙNG DƯƠNG		9.0			6.0			5.0						10			8.0	6.5		8.0			4.5						8.0			9.0				
14	LÊ THÀNH ĐẠI	8	5.0			8.0			7.0						9.0			7.0	6.0		7.0			4.5						4.0			8.0				
15	DƯƠNG THỊ ĐỨC		9.0			3.0			6.0						9.0			8.0	6.5		7.0			8.0						5.0			9.0				
16	ĐOÀN ANH ĐỨC		9.0			9.0			10						9.0			7.0	5.5		7.0			9.5						4.0			9.0				
17	PHẠM VIỆT HOA		7.0			10			9.0						8.0			8.0	7.0		8.0			5.5						8.0			9.0				
18	PHẠM THỊ HUẾ		8.0			6.0			8.0						10			8.0	8.0		8.0			6.5						9.0			9.0				
19	TRẦN MINH HUỆ		9.0			3.0			8.0						9.0			8.0	8.0		8.0			6.5						9.0			9.0				
20	VŨ QUANG HUY		9.0			5.0			9.0						9.0			8.0	4.0		8.0									5.0			9.0				
21	PHẠM THU HUYỀN		10			5.0			8.0						9.0			8.0	7.0		9.0			7.0						9.0			8.0				
22	NGUYỄN DUY KHÁNH		7.0			8.0			6.0						9.0			8.0	6.5		8.0			5.5						8.0			8.0				
23	NGUYỄN TRUNG KIÊN		6.0			3.0			6.0						9.0			7.0	7.0		8.0			4.5						8.0			9.0				
24	NGUYỄN THỊ THÙY LINH		9.0			7.0			9.0						9.0			8.0	8.5		9.0			5.5						9.0			9.0				
25	TRẦN THỊ HUYỀN LINH		5.0			8.0			7.0						9.0			8.0	6.5		9.0			3.0						10			9.0				
26	LÊ LONG		9.0			9.0			10						8.0			8.0	6.5		7.0			9.5						8.0			9.0				
27	NGUYỄN THÚY NGA		8.0			3.0			9.0						9.0			8.0	6.5		8.0			5.5						10			9.0				
28	NGÔ THỊ MINH NGỌC		7.0			4.0			6.0						9.0			7.0	6.5		8.0			3.0						7.0			9.0				
29	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH		6.0			7.0			7.0						9.0			7.0	6.0		9.0			3.0						8.0			10				
30	LƯU HỒNG SƠN		6.0			2.0			6.0						9.0			7.0	6.0		7.0			5.5						6.0			8.0				
31	HOÀNG TIẾN TÂM		8.0			4.0			4.0						9.0			7.0	6.5		8.0			5.5						6.0			9.0				
32	LÊ NGUYỄN TUẤN THẢO	9	7.0			3.0			6.0						8.0			8.0	6.5		8.0			8.0						7.0			9.0				
33	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		9.0			6.0			8.0						8.0			6.0	7.0		8.0			6.5						9.0			9.0				
34	NGUYỄN THỊ THU THẢO		8.0			6.0			7.0						8.0			8.0	7.0		8.0			4.0						7.0			9.0				
35	LẠI GIA TÙNG		6.0			5.0			6.0						8.0			8.0	6.5		8.0			3.0						8.0			8.0				
36	NGUYỄN THỊ THỦY VÂN		6.0			7.0			8.0						9.0			8.0	8.5		9.0			8.0						8.0			9.0				
37	NGUYỄN QUỐC VIỆT		10			7.0			8.0						8.0			8.0	6.5		8.0			4.0						6.0			9.0				
38	VŨ ĐÌNH VIỆT	9	6.0			4.0			6.0						8.0			8.0	6.5		8.0			9.5						6.0			8.0				
39	LƯU ĐỨC VĨ		6.0			5.0			8.0						9.0			7.0	6.5		8.0			8.5						5.0			9.0				
40	PHẠM THỊ YẾN		6.0			5.0			6.0						9.0			8.0	7.5		8.0			3.0						7.0			9.0				
41																																					
42																																					
43																																					
44																																					
45																																					
46																																					
47																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A7

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A7

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	TRẦN MAI ANH		3.0			5.5			7.0						7.0				7.5		8.0			6.0						8.0			8.0				
2	TRẦN THÚY QUỲNH ANH	9	3.0			7.0			8.0						8.0				5.5		8.0			7.5						7.0			9.0				
3	NGUYỄN VŨ NGỌC BÍCH		8.0			8.0			8.0						9.0				5.5		7.0			7.5						8.0			9.0				
4	VŨ DUY CƯỜNG	10	7.0			4.0			8.0						9.0				4.0		9.0			5.5						8.0			9.0				
5	TẠ THÙY DUNG		7.0			3.0			6.0						9.0				6.0		8.0			6.0						8.0			8.0				
6	TRẦN NGỌC DŨNG		3.0			5.0			8.0						8.0				5.5		7.0									7.0			10				
7	VŨ VIỆT DŨNG		6.0			6.0			7.0						8.0				5.5		7.0			6.0						8.0			9.0				
8	VŨ TIẾN ĐẠT		3.0			4.0			8.0						8.0				5.5		8.0			6.0						7.0			9.0				
9	NGUYỄN MINH ĐỨC		3.0			6.5			7.0						8.0				4.0		7.0			5.0						6.0			9.0				
10	TRẦN HỒNG GIANG		6.0			5.0			6.0						9.0				6.5		7.0			7.5						7.0			10				
11	NGUYỄN THỊ THU HÀ		5.0			4.0			10						8.0				5.5		8.0			4.0						6.0			8.0				
12	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN		7.0			5.0			10						8.0				6.0		9.0			4.0						7.0			9.0				
13	NGUYỄN THU HIỀN		5.0			2.0			6.0						9.0				6.0		8.0			4.0						8.0			8.0				
14	NGUYỄN THƯƠNG HIỀN	7	4.0			3.0			5.0						8.0				5.5		7.0			5.0						7.0			9.0				
15	ĐÀO MINH HIỂN		5.0			5.0			7.0						8.0				6.0		8.0			4.0						6.0			9.0				
16	VŨ HỮU HOÀNG		5.0			4.5			6.0						9.0				6.0		8.0			5.0						6.0			8.0				
17	TRẦN KIM HỒNG	10	5.0			6.0			8.0						8.0				6.5		8.0			7.0						8.0			9.0				
18	PHẠM MINH HUYỀN		6.0			5.0			9.0						9.0				6.5		8.0			7.5						8.0			9.0				
19	HOÀNG TUẤN HÙNG		4.0			5.0			7.0						9.0				6.5		7.0			3.5						8.0			9.0				
20	NGUYỄN TRẦN HÙNG		3.0			6.0			8.0						9.0				7.0		7.0			7.0						8.0			9.0				
21	ĐỖ TRUNG KIÊN	10	9.0			9.5			9.0						9.0				7.0		8.0			6.0						6.0			9.0				
22	TRẦN MAI LINH	8	5.0			4.0			7.0						9.0				7.5		8.0			7.5						8.0			8.0				
23	NGUYỄN PHẠM KIM LOAN		2.0			3.0			6.0						8.0				5.5		8.0			4.0						8.0			8.0				
24	TRẦN NHẬT LONG	7	3.0			5.0			9.0						9.0				6.0		7.0			5.0						6.0			9.0				
25	LÊ KHÁNH LY	8	7.0			5.0			10						8.0				6.0		8.0			6.0						9.0			9.0				
26	NGUYỄN PHƯƠNG MAI		3.0			5.0			7.0						8.0				7.5		8.0			5.0						8.0			9.0				
27	LẠI HOÀNG NGỌC MINH		5.0			3.0			7.0						8.0				4.0		8.0			4.0						7.0			9.0				
28	NGUYỄN THỊ HÀ MY	10	6.0			2.0			8.0						8.0				5.5		8.0			4.0						7.0			10				
29	VŨ HÀ MY		4.0			5.0			6.0						9.0				4.5		8.0			5.0						5.0			8.0				
30	TÔ THÀNH NAM		5.0			9.0			9.0						9.0				6.0		8.0			5.0						8.0			8.0				
31	ĐÀO THÚY NGA		6.0			3.0			9.0						8.0				4.5		9.0			4.0						9.0			9.0				
32	PHẠM THỊ ÁNH NGỌC		6.0			4.0			8.0						7.0				5.5		9.0			3.0						9.0			9.0				
33	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	10	7.0			9.0			9.0						7.0				7.0		9.0			4.0						6.0			8.0				
34	BÙI THẢO PHƯƠNG		6.0			5.0			8.0						8.0				6.5		8.0			5.0						6.0			8.0				
35	NGUYỄN PHẠM HÀ PHƯƠNG		6.0			5.0			9.0						9.0				7.0		7.0			5.0						8.0			9.0				
36	VŨ PHƯƠNG THẢO		5.0			5.0			8.0						8.0				6.5		8.0			5.0						6.0			10				
37	TRẦN THANH THẮNG		4.0			5.0			5.0						9.0				6.0		7.0			5.0						7.0			9.0				
38	BÙI HUY THÔNG	9	5.0			9.5			8.0						8.0				6.5		8.0			7.0						8.0			9.0				
39	ĐINH VĂN THƯ	10	8.0			6.0			9.0						8.0				4.5		8.0			8.0						8.0			8.0				
40	NGUYỄN ĐỨC TIẾN		3.0			6.0			9.0						8.0				5.5		7.0			5.0						6.0			9.0				
41	ĐINH HỮU MẠNH TUẤN		6.0			3.0			8.0						8.0				6.0		8.0			7.0						6.0			10				
42	NGUYỄN SƠN TÙNG		6.0			2.0			5.0						9.0				6.5		9.0			4.0						8.0			10				
43																																					
44																																					
45																																					
46																																					
47																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A8

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A8

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN NGỌC ANH		6.0			6.0			7.0						9.0			8.0	7.0		8.0			9.0						8.0			8.0				
2	NGUYỄN THỊ MAI ANH		3.0			5.0			8.0						8.0			7.0	6.5		8.0			7.0						5.0			9.0				
3	PHẠM PHƯƠNG ANH		4.0			5.0			8.0						8.0			8.0	6.0		8.0			5.0						8.0			9.0				
4	VŨ HỒNG ANH		5.0			3.0			9.0						8.0			7.0	7.0		8.0			9.0						8.0							
5	VŨ GIA BẢO		3.0			4.0			7.0						7.0			8.0	8.0		8.0			8.0						5.0			9.0				
6	PHẠM ĐỨC DŨNG		4.0			5.0			7.0						7.0			7.0	7.0		7.0			8.0						9.0			8.0				
7	NGUYỄN HẢI DƯƠNG		7.0			6.0			10						8.0			8.0	5.5		7.0			9.0						7.0			10				
8	NGUYỄN TRẦN THÁI HÀ		4.0			5.0			6.0						9.0			8.0	7.0		9.0			8.0						10			9.0				
9	ĐỖ HÀ NHẬT HÀO	7	6.0			4.0			7.0						9.0			8.0	7.0		8.0			8.0						9.0			9.0				
10	NGUYỄN DIỆU HẰNG		2.0			4.0			6.0						9.0			8.0	7.5		8.0			8.0						7.0			8.0				
11	LÊ THỊ THU HIỀN		5.0			10			10						9.0			8.0	7.5		9.0			7.0						8.0			9.0				
12	LÝ NGỌC HIỀN		5.0			5.0			8.0						9.0			8.0	7.0		8.0			9.0						9.0			9.0				
13	LÊ ÁNH HỒNG	9	3.0			5.5			10						8.0			9.0	7.0		8.0			7.0						6.0			8.0				
14	NGUYỄN THU HUYỀN		6.0			5.0			9.0						8.0			9.0	8.5		8.0			6.0						9.0			9.0				
15	BÙI THU HƯƠNG		4.0			5.0			7.0						7.0			8.0	6.0		8.0			9.0						9.0			9.0				
16	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	9	4.0			3.0			7.0						8.0			7.0	7.5		8.0			8.0						6.0			9.0				
17	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG		4.0			5.0			10						7.0			8.0	7.0		8.0			7.0						6.0			9.0				
18	PHẠM THỊ HƯƠNG LAN		2.0			6.0			7.0						7.0			8.0	8.0		9.0			9.0						10			8.0				
19	TRẦN THÙY LINH		4.0			6.0			9.0						9.0			8.0	7.5		8.0			8.0						8.0			8.0				
20	NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG		2.0			7.0			10						9.0			7.0	7.5		8.0			8.0						7.0			9.0				
21	PHẠM THỊ NGỌC MAI		4.0			3.0			7.0						9.0			8.0	7.5		8.0									5.0			9.0				
22	NGUYỄN BẢO MINH		5.0			4.0			6.0						8.0			7.0	7.0		7.0			7.0						7.0			8.0				
23	VŨ THỊ NGA		1.0			4.0			8.0						8.0			8.0	8.0		8.0			8.0						7.0			8.0				
24	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI		5.0			4.0			6.0						9.0			7.0	7.0		8.0			8.0						10			9.0				
25	PHẠM HỒNG NHUNG		4.0			5.0			7.0						8.0			7.0	6.5		9.0			8.0						8.0			9.0				
26	ĐOÀN HOÀNG PHÚC		6.0			3.0			5.0						8.0			7.0	6.5		9.0			9.0						8.0			8.0				
27	NGUYỄN LÊ HỒNG PHÚC		5.0			5.0			8.0						8.0			7.0	5.0		7.0			5.0						8.0			8.0				
28	BÙI BÍCH PHƯƠNG	7	5.0			2.0			7.0						9.0			7.0	6.0		8.0			9.0						8.0			9.0				
29	BÙI THỊ MINH PHƯƠNG		4.0			5.0			9.0						8.0			7.0	7.5		8.0			9.0						8.0			9.0				
30	PHẠM MAI PHƯƠNG	10	7.0			9.0			9.0						9.0			8.0	6.5		8.0			9.0						8.0			9.0				
31	ĐẶNG MINH QUANG		5.0			4.0			8.0						7.0			8.0	7.5		7.0			9.0						8.0			8.0				
32	BÙI TÚ QUYÊN		4.0			5.0			6.0						9.0			7.0	5.5		8.0			8.0						10			9.0				
33	NGUYỄN NGỌC THẢO		3.0			2.0			5.0						9.0			9.0	8.0		8.0			9.0						5.0			9.0				
34	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	10	8.0			4.0			10						8.0			8.0	7.5		8.0			9.0						9.0			8.0				
35	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO		6.0			7.0			10						9.0			8.0	7.0		8.0			9.0						7.0			8.0				
36	QUYỀN THỊ THẢO		7.0			7.0			9.0						8.0			8.0	7.5		8.0			9.0						9.0			9.0				
37	PHẠM MINH THU	10	3.0			4.0			9.0						8.0			8.0	8.0		9.0			9.0						8.0			9.0				
38	MAI THỊ THỦY		4.0			3.0			10						9.0			7.0	6.5		8.0			4.0						9.0			9.0				
39	NGUYỄN KIM TIẾN		4.0			5.5			7.0						9.0			9.0	7.5		9.0			6.0						6.0			8.0				
40	VŨ THÙY TRANG	7	2.0			5.0			9.0						8.0			8.0	8.0		8.0			8.0						8.0			8.0				
41	HOÀNG CẨM TÚ	10	7.0			6.0			10						8.0			7.0	7.0		8.0			6.0						7.0			8.0				
42	LƯƠNG TRẦN CẨM TÚ		4.0			7.0			10						9.0			8.0	7.0		8.0			8.0						4.0			9.0				
43	LÊ TUỆ VI		2.0			4.0			6.0						9.0			8.0	6.5		8.0			7.0						8.0			9.0				
44	NGUYỄN ĐOÀN THẢO VI		6.0			6.5			9.0						8.0			8.0	6.5		8.0			9.0						9.0			9.0				
45	PHẠM ĐÌNH THOẢNG		2.0												8.0			8.0			8.0									7.0			8.0				
46																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A9

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN HÀ AN	9	9.0			8.0			10						9.0			9.0	8.5		8.0			7.0						9.0			10				
2	LÊ TUYẾT ANH		9.0			8.5			8.0						9.0			7.0	6.0		9.0			8.0						8.0			10				
3	NGHIÊM NGỌC ANH		9.0			4.0			6.0						9.0			7.0	5.0		8.0			8.0						8.0			7.0				
4	NGUYỄN LAN ANH		6.0			8.0			10						9.0			9.0	8.0		9.0			9.0						9.0			10				
5	NGUYỄN VÂN ANH		8.0			6.0			8.0						10			7.0	5.0		9.0			8.0						8.0			8.0				
6	TRƯƠNG THỤC ANH	10	8.0			5.0			10						10			8.0	8.5		9.0			7.0						9.0			9.0				
7	VŨ THỊ NGỌC ANH	8	7.0			8.0			9.0						9.0			6.0	8.0		8.0			9.0						8.0			8.0				
8	NGÔ THỊ THANH BÌNH		7.0			7.0			10						10			7.0	7.5		8.0			8.0						9.0			7.0				
9	NGUYỄN THANH BÌNH		9.0			7.0			9.0						9.0			7.0	6.0		8.0			9.0						8.0			5.0				
10	PHẠM THANH CƯỜNG		10			5.0			8.0						9.0			7.0	7.5		8.0			8.0						7.0			5.0				
11	NGUYỄN QUÝ CƯỜNG		8.0			4.0			9.0						10			8.0	6.0		9.0			9.0						9.0			6.0				
12	NGUYỄN VŨ NGỌC DIỆP		5.0			5.0			9.0						10			7.0	8.5		8.0			8.0						9.0			8.0				
13	NGÔ THỊ ĐĂNG DƯƠNG		7.0			6.0			10						9.0			8.0	7.0		8.0												10				
14	TRẦN ANH ĐỨC		9.0			6.0			6.0						9.0			6.0	4.0		8.0			4.0						7.0			5.0				
15	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG HÀ		6.0			7.0			9.0						10			7.0	7.0		7.0			9.0						7.0			10				
16	TÔ VIỆT HÀ		5.0			5.0			9.0						9.0			8.0	8.5		9.0			9.0						9.0			10				
17	LÊ MINH HẢI		9.0			4.0			9.0						8.0			7.0	6.5		6.0			7.0						8.0			5.0				
18	BÙI THÚY HIỀN		7.0			4.0			10						9.0			8.0	8.5		9.0			8.0						9.0			7.0				
19	PHẠM HOÀNH		8.0			5.0			9.0						8.0			7.0	7.0		7.0			9.0						6.0			10				
20	NGUYỄN MINH HUYỀN		10			9.0			9.0						8.0			7.0	6.5		8.0			8.0						9.0			9.0				
21	NGUYỄN NGỌC HUYỀN		9.0			5.0			10						10			8.0	7.0		9.0			8.0						7.0			10				
22	PHẠM THU HUYỀN		7.0			6.0			9.0						9.0			8.0	7.0		9.0			9.0						9.0			8.0				
23	NGUYỄN MINH HƯƠNG		5.0			5.0			10						9.0			8.0	8.0		8.0			8.0						10			10				
24	ĐÀO LÂM KHÁNH LINH	9	6.0			4.0			9.0						9.0			7.0	7.0		8.0			8.0						6.0			7.0				
25	ĐOÀN HỒNG LINH		2.0			7.0			6.0						9.0			8.0	8.5		8.0			7.0						8.0			10				
26	NGUYỄN HỒ GIA LINH	6	8.0			7.0			9.0						9.0			8.0	7.0		9.0			8.0						7.0			7.0				
27	NGUYỄN KHÁNH LINH		3.0			5.0			10						9.0			8.0	7.5		8.0			9.0						8.0			7.0				
28	NGUYỄN CHI MAI		8.0			5.0			10						9.0			8.0	7.5		9.0			4.0						7.0			5.0				
29	PHAN THÀNH NAM		8.0			5.0			8.0						9.0			7.0	5.0		6.0			9.0						5.0			5.0				
30	TRẦN THU NGA	10	5.0			8.0			5.0						9.0			8.0	8.0		9.0			9.0						7.0			10				
31	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC		7.0			5.0			8.0						9.0			9.0	8.0		9.0			7.0						6.0			9.0				
32	TỐNG VŨ NGUYÊN	10	7.0			8.0			9.0						10			7.0	7.0		8.0			9.0						9.0			9.0				
33	ĐẶNG TUẤN PHONG		10			8.0			9.0						10			7.0	6.5		6.0			9.0						8.0			9.0				
34	ĐỖ NGUYỄN HẢI PHONG		9.0			4.0			10						9.0			8.0	6.5		6.0			9.0						8.0			9.0				
35	LÊ HOÀNG PHÚC		7.0			7.0			8.0						9.0			7.0	7.0		8.0			8.0						8.0			9.0				
36	TRẦN NHẬT PHÚC		5.0			4.0			9.0						9.0			7.0	7.0		8.0			9.0						6.0			8.0				
37	TRỊNH PHẠM MAI SƯƠNG		5.0			5.0			9.0						9.0			8.0	7.5		8.0			7.0						6.0			7.0				
38	ĐOÀN THỊ THANH		8.0			5.0			8.0						10			8.0	8.0		8.0			7.0						7.0			8.0				
39	NGUYỄN ĐỨC THÀNH		8.0			6.0			10						10			8.0	7.5		8.0			7.0						8.0			8.0				
40	NGUYỄN MINH THIỆN		7.0			9.0			9.0						10			8.0	7.0		8.0			8.0						8.0			8.0				
41	LƯU HOÀI THU		5.0			4.0			8.0						9.0			8.0	8.0		9.0			8.0						9.0			7.0				
42	NGUYỄN DIỆU THÙY		7.0			5.0			8.0						9.0			8.0	8.0		6.0			9.0						8.0			7.0				
43	VŨ DIỆU THƯ		7.0			4.0			7.0						10			7.0	7.5		9.0			9.0						9.0			9.0				
44	HOÀNG VĂN THỰ		8.0			6.0			9.0						9.0			7.0	7.5		8.0			8.0						8.0			10				
45	DƯƠNG THANH TÙNG		8.0			7.0			9.0						9.0			7.0	8.0		8.0			9.0						9.0			9.0				
46	NGUYỄN THẢO VI		8.0			7.0			10						9.0			9.0	8.0		8.0			8.0						9.0			7.0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 10A10

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	T.Anh	GDCD	Công nghệ	QPAN

STT	HỌ VÀ TÊN																																				
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	PHAN THẾ ANH		7.0			5.0			7.7						8.0			7.0	7.0		8.0			8.0						6.0			10				
2	PHÙNG NGỌC ÁNH		8.0			3.0			4.3						9.0			8.0	7.5		8.0			7.0						8.0			8.0				
3	VŨ THỊ QUỲNH CHI		5.0			4.0			5.0						9.0			8.0	7.5		8.0			8.0						9.0			7.0				
4	ĐẶNG NHẬT DUY		6.0			7.0			9.0						9.0			6.0	6.0		7.0			8.0						6.0			7.0				
5	VŨ PHƯƠNG DUYÊN		7.0			5.0			7.0						9.0			7.0	6.0		8.0			7.0						6.0			7.0				
6	VŨ THẾ DƯƠNG	10	8.0			8.0			9.0						10			8.0	7.5		7.0			4.0									9.0				
7	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG		9.0			6.0			4.3						9.0			7.0	7.5		8.0			7.0						7.0			9.0				
8	TRẦN LINH ĐAN	10	7.0			4.0			9.0						9.0			7.0	7.5		8.0			8.0						7.0			8.0				
9	NGUYỄN HẢI ĐĂNG		7.0			8.0			7.0						9.0			7.0	7.0		8.0			8.0						8.0			5.0				
10	VŨ MINH HẠNH		8.0			4.0			6.6						8.0			7.0	7.5		8.0			8.0						8.0			8.0				
11	ĐẬU THỊ HIỀN		8.0			6.0			7.7						8.0			8.0	7.5		7.0			7.0						8.0			10				
12	NGUYỄN THÚY HIỀN		6.0			8.0			9.0						10			8.0	8.0		8.0			8.0						8.0			8.0				
13	TRẦN THỊ THU HIỀN		5.0			5.0			7.3						8.0			6.0	6.0		9.0			6.0						8.0			7.0				
14	MAI TRUNG HIẾU		5.0			6.0			7.0						8.0			7.0	6.5		8.0			8.0						7.0			10				
15	NGUYỄN GIA HIẾU		5.0			4.0			7.0						9.0			6.0	6.0		7.0			7.0						8.0			5.0				
16	LÝ QUANG HINH	10	7.0			8.0			7.0						10			6.0	6.5		9.0			8.0						9.0			6.0				
17	PHẠM THU HUYỀN		6.0			3.0			7.3						9.0			6.0	6.5		9.0			8.0						6.0			6.0				
18	VŨ THỊ THU HUYỀN		5.0			5.0			7.3						9.0			7.0	6.0		4.0			6.0						8.0			10				
19	DƯƠNG PHƯƠNG KIÊN		8.0			5.0			6.3						9.0			7.0	7.5		9.0			7.0						8.0			6.0				
20	LƯU THỊ NGỌC LAN		8.0			8.0			7.0						9.0			8.0	7.0		8.0			7.0						8.0			6.0				
21	NGUYỄN KHÁNH LINH		7.0			7.0			9.0						9.0			8.0	8.0		9.0			9.0						7.0			9.0				
22	DƯƠNG PHƯƠNG LOAN		5.0			8.0			7.4						9.0			7.0	4.5		9.0			7.0						8.0			5.0				
23	PHẠM PHƯƠNG LOAN		8.0			6.0			7.0						9.0			6.0	7.0		8.0			9.0						6.0			9.0				
24	NGUYỄN TUẤN MINH	10	10			7.0			9.0						9.0			8.0	6.0		7.0			8.0						7.0			10				
25	PHẠM HOÀNG MINH		5.0			8.0			5.7						9.0			6.0	7.0		8.0			10						7.0			9.0				
26	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC		5.0			7.0			5.7						9.0			6.0	6.0		8.0			9.0						8.0			8.0				
27	TRẦN BẢO NGỌC		5.0			3.0			7.3						9.0			8.0	8.0		7.0			6.0						7.0			5.0				
28	ĐOÀN MINH NGUYỆT		7.0			3.0			5.0						9.0			7.0	7.0		8.0			7.0						7.0			5.0				
29	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG		5.0			5.0			5.0						9.0			7.0	6.5		8.0			7.0						7.0			8.0				
30	VŨ MINH PHÚ		9.0			5.0			4.3						9.0			8.0	7.0		8.0			7.0						6.0			10				
31	ĐÀO ĐỨC PHÚC		8.0			5.0			7.0						9.0			6.0	7.0		8.0			9.0						6.0			5.0				
32	HOÀNG THẢO PHƯƠNG		5.0			4.0			7.0						9.0			7.0	7.5		8.0			7.0						7.0			6.0				
33	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG		5.0			3.0			7.3						9.0			8.0	5.5		7.0			6.0						8.0			5.0				
34	LƯƠNG THỊ MINH TÂM		7.0			4.0			5.0						9.0			8.0	7.5		8.0			7.0						9.0			5.0				
35	CHU QUANG THÀNH		5.0			9.0			9.0						10			8.0	6.5		8.0			9.0						7.0			10				
36	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		5.0			5.0			8.4						10			7.0	7.0		9.0			9.0						8.0			5.0				
37	VŨ THỊ THẮM		5.0			4.0			8.4						9.0			7.0	8.0		8.0			7.0						9.0			10				
38	PHẠM CAO THẮNG		5.0			3.0			7.0						10			7.0	6.5		8.0			7.0						7.0			6.0				
39	VŨ ĐỨC THẮNG		6.0			7.0			6.6						9.0			7.0	6.5		7.0			6.0						8.0			5.0				
40	VŨ NGỌC NHƯ THỦY		6.0			5.0			5.4						9.0			6.0	7.0		8.0			6.0						7.0			8.0				
41	PHẠM CÔNG TÚ																																				
42	HỒ HOÀNG TUẤN		7.0			5.0			7.4						9.0			6.0	7.0		7.0			9.0						6.0			6.0				
43	NGUYỄN CẨM VÂN		6.0			4.0			7.4						9.0			9.0	6.5		8.0			7.0						6.0			6.0				
44	NGUYỄN THÀNH VINH		6.0			5.0			6.0						9.0			6.0	7.5		8.0			7.0						8.0			5.0				
45	NGUYỄN TIẾN VINH		6.0			5.0			4.4						9.0			6.0	5.0		8.0			8.0						9.0			5.0				
46	PHẠM THỊ HẢI YẾN		6.0			8.0			7.0						9.0			7.0	7.0		8.0			9.8						7.0			6.7				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A1

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p

1	LÊ TUẤN ANH		8.0			6.0			9.0			8.0			6.0			7.0	5.5		8.0			7.5								9.0				
2	LÊ VÂN ANH		8.0			8.0			9.0			9.0			5.0			8.0	7.0		8.0			7.5								10				
3	NGUYỄN PHƯƠNG ANH		8.0			6.0			9.0			9.0			8.0			8.0	8.0		8.0			7.0								9.0				
4	VŨ BẢO QUỲNH ANH		10			8.0			10			9.0			8.0			8.0	7.0		8.0			8.0								9.0				
5	KHOA XUÂN BÁCH		6.0			8.0			9.0			9.0			8.0			8.0	6.0		6.0			7.5								6.0				
6	ĐỖ TIẾN TRỌNG BẢO		7.0			7.0			9.0			9.0			6.0			6.0	6.0		7.0			7.0								7.0				
7	LÊ MẠNH CƯỜNG		9.0			9.0			9.0			8.0			6.0			7.0	7.0		8.0			6.5								7.0				
8	VŨ MẠNH CƯỜNG		7.0			4.0			9.0			9.0			7.0			8.0	6.0		8.0			6.0								8.0				
9	NGUYỄN THÙY DUNG		7.0			5.0			10			9.0			8.0			8.0	5.0		8.0			7.0								7.0				
10	NGUYỄN THỊ THU HÀ		10			5.0			10			9.0			7.0			8.0	7.5		9.0			7.0								7.0				
11	PHẠM MẠNH HÀ		8.0			5.0			9.0			9.0			6.0			5.0	6.0		8.0			7.5								7.0				
12	ĐẶNG THU HIỀN		10			5.0			9.0			7.0			6.0			8.0	8.0		8.0			7.5								8.0				
13	PHÙNG THỊ KHÁNH HOÀ		7.0			7.0			10			10			6.0			8.0	7.5		8.0			7.0								6.0				
14	DOÃN QUỐC HOÀN		7.0			6.0			9.0			9.0			6.0			7.0	7.0		8.0			8.0								6.0				
15	BÙI TUẤN HUY		8.0			8.0			10			8.0			6.0			8.0	6.5		7.0			7.5								7.0				
16	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN		8.0			8.0			9.0			10			6.0			9.0	6.5		9.0			7.0								9.0				
17	TRƯƠNG THỊ THU HUYỀN		7.0			3.0			9.0			9.0			6.0			8.0	7.5		8.0			7.5								8.0				
18	PHÙNG HƯNG		8.0			6.0			9.0			8.0			9.0			9.0	5.5		9.0			7.0								3.0				
19	NGUYỄN NAM KHÁNH		8.0			9.0			10			10			7.0			8.0	5.5		7.0			7.0								6.0				
20	NGUYỄN THIỆN KHOA		7.0			7.0			9.0			9.0			7.0			8.0	5.5		6.0			6.0								4.0				
21	TRỊNH NGUYỄN THANH LÂM		8.0			7.0			9.0			9.0			7.0			7.0	6.0		8.0			6.0								7.0				
22	NGUYỄN THANH LOAN		5.0			7.0			9.0			9.0			8.0			8.0	5.5		9.0			7.5								7.0				
23	HÀN NGỌC KIM NGÂN		5.0			6.0			9.0			8.0			6.0			7.0	7.0		8.0			7.0								7.0				
24	PHÙNG MAI PHƯƠNG		8.0			4.0			9.0			8.0			7.0			7.0	7.0		9.0			7.5								6.0				
25	VŨ PHƯƠNG THANH		6.0			3.0			9.0			9.0			7.0			8.0	6.5		9.0			8.0								9.0				
26	ĐINH NGỌC THẢO		7.0			8.0			10			10			7.0			9.0	7.5		8.0			8.0								9.0				
27	LÊ THANH THẢO		8.0			6.0			10			9.0			8.0			9.0	7.5		9.0			7.5								7.0				
28	NGUYỄN HOÀI THƯ		5.0			7.0			9.0			10			7.0			8.0	5.0		7.0			7.5								7.0				
29	NGUYỄN THÀNH THƯƠNG		9.0			4.0			9.0			10			7.0			7.0	7.0		8.0			7.0								8.0				
30	NGUYỄN LÊ THỦY TIÊN		9.0			9.0			10			10			8.0			8.0	6.5		7.0			7.5								6.0				
31	ĐỖ VĂN TIẾN		8.0			8.0			10			9.0			4.0			7.0	6.0		6.0			7.5								7.0				
32	NGUYỄN THỊ TRANG		7.0			5.0			9.0			8.0			5.0			7.0	7.0		7.0			7.0								6.0				
33	NGUYỄN THÙY TRANG		9.0			9.0			9.0			8.0			8.0			8.0	6.0		9.0			7.5								7.0				
34	VŨ HUYỀN TRANG		8.0			6.0			9.0			8.0			6.0			7.0	7.0		8.0			7.0								8.0				
35	ĐOÀN QUỐC TRUNG		9.0			9.0			9.0			10			8.0			6.0	5.5		8.0			7.0								7.0				
36	NGÔ ANH TUẤN		8.0			4.0			9.0						3.0			6.0	5.0		6.0			7.5								3.0				
37	TRƯƠNG HOÀNG TUẤN		8.0			9.0			10			10			7.0			7.0	7.0		8.0			7.5								9.0				
38	VŨ THỊ TUYẾN		10			8.0			10			10			9.0			8.0	6.5		9.0			7.0								8.0				
39	TRƯƠNG HOÀNG TÚ		8.0			7.0			10			10			5.0			7.0	8.0		8.0			8.5								9.0				
40	ĐẶNG THU UYÊN		6.0			3.0			9.0			8.0			5.0			6.0	6.0		7.0			7.0								5.0				
41	PHẠM ĐỨC VIỆT		9.0			9.0			9.0			9.0			7.0			8.0	6.0		7.0			8.0								8.0				
42	HOÀNG LONG VŨ		7.0			6.0			9.0						5.0			6.0	5.5		8.0			7.0								6.0				
43	TRẦN THỊ LỆ XUÂN		8.0			5.0			9.0			8.0			6.0			8.0	7.5		9.0			6.5								10				
44	NGUYỄN BẢO YẾN		5.0			7.0			9.0			9.0			7.0			7.0	7.0		8.0			7.0								7.0				
45																																					
46																																					
47																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A2

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	BÙI QUẾ ANH		9.0			7.0			10			10			9.0			8.0	8.0		9.0			7.0									8.0				

2	ĐOÀN HẢI ANH		5.0			4.0			8.0			9.0			8.0			7.0	6.5		8.0			7.5								8.0				
3	LÊ ĐỨC ANH		7.0			9.0			8.0			8.0			8.0			7.0	7.0		7.0			7.0								5.0				
4	LÊ PHƯƠNG ANH		7.0			5.0			8.0			7.0			8.0			8.0	8.0		8.0			6.0								8.0				
5	NGUYỄN TRUNG ANH		6.0			6.0			8.0			8.0			8.0			6.0	5.0		9.0			6.5								6.0				
6	PHẠM VÂN ANH		8.0			6.0			8.0			10			9.0			7.0	8.0		8.0			6.0								9.0				
7	TRẦN THỊ QUỲNH ANH		6.0			4.0			9.0			8.0			8.0			8.0	8.5		8.0			7.5								8.0				
8	VƯƠNG QUỐC ANH		5.0			4.0			8.0			8.0			8.0			6.0	7.5		7.0			7.0								4.0				
9	VŨ ĐỨC BẢO		10			9.0			9.0			9.0			8.0			6.0	7.5		8.0			6.0								9.0				
10	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG		6.0			7.0			9.0			10			8.0			6.0	7.5		6.0			6.0								7.0				
11	LÊ CÔNG DUY		6.0			5.0			9.0			9.0			8.0			7.0	7.0		8.0			6.5								7.0				
12	NGUYỄN VIỆT DŨNG		8.0			6.0			8.0			8.0			8.0			7.0	8.5		9.0			7.0								9.0				
13	NGUYỄN HỮU ĐẠI		8.0			5.0			8.0			10			8.0			8.0	7.5		9.0			7.5								9.0				
14	HÀ TIẾN ĐẠT		9.0			4.0			8.0			7.0			8.0			7.0	7.5		8.0			6.0								5.0				
15	PHẠM VĂN ĐOÀN		7.0			5.0			8.0			9.0			8.0			8.0	7.0		8.0			6.5								4.0				
16	PHẠM MINH ĐỨC		7.0			7.0			8.0			8.0			8.0			6.0	6.0		8.0			7.0								10				
17	NGUYỄN VÂN GIANG		9.0			8.0			8.0			10			9.0			8.0	8.0		7.0			6.5								7.0				
18	NGUYỄN THU HÀ		6.0			8.0			8.0			7.0			8.0			7.0	7.0		8.0			7.0								6.0				
19	TRẦN THU HÀ		7.0			6.0			9.0			10			8.0			7.0	8.0		9.0			7.5								9.0				
20	NGUYỄN MINH HOÀNG		9.0			9.0			10			10			8.0			7.0	8.0		8.0			6.0								8.0				
21	ĐOÀN THU HƯƠNG		9.0			9.0			9.0			9.0			9.0			8.0	7.5		8.0			7.0								9.0				
22	MAI THỊ MINH KHUÊ		7.0			5.0			10			5.0			8.0			5.0	6.5		9.0			7.5								5.0				
23	HOÀNG HUYỀN LINH		7.0			7.0			10			10			9.0			8.0	7.5		9.0			6.0								8.0				
24	LƯƠNG MAI LINH		9.0			5.0			9.0			9.0			8.0				6.0		9.0			7.5								8.0				
25	VŨ ĐOÀN LONG		8.0			10			10			9.0			9.0			6.0	7.0		9.0			7.0								7.0				
26	NGUYỄN TIẾN LỘC		9.0			4.0			9.0			6.0			8.0			7.0	7.0		8.0			7.5								9.0				
27	ĐOÀN THỊ HIỀN MAI		9.0			5.0			8.0			9.0			8.0			8.0	8.5		8.0			6.5								8.0				
28	PHẠM PHƯƠNG MAI		8.0			5.0			8.0			8.0			8.0			7.0	7.5		9.0			6.5								6.0				
29	NGUYỄN ĐỨC MẠNH		7.0			3.0			7.0			3.0			8.0			7.0	7.5		8.0			6.5												
30	HOÀNG KHANG MINH		7.0			7.0			10			10			9.0			7.0	7.0		7.0			7.5								4.0				
31	VŨ MẠNH NAM		8.0			6.0			8.0			8.0			8.0			7.0	6.0		8.0			7.5								5.0				
32	CAO KHÁNH NGỌC		9.0			7.0			8.0			10			9.0			8.0	8.0		8.0			7.0								8.0				
33	LÊ HỒNG NGỌC		6.0			7.0			9.0			9.0			8.0			7.0	7.5		8.0			7.5								7.0				
34	NGUYỄN MINH NGỌC		7.0			7.0			9.0			8.0			9.0			7.0	7.5		8.0			6.0								8.0				
35	NGUYỄN YẾN NHI		8.0			7.0			9.0						8.0			5.0	8.0		9.0			6.5								7.0				
36	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG		5.0			7.0			9.0			9.0			8.0			8.0	6.0		8.0			7.0								7.0				
37	NGUYỄN ĐĂNG QUANG		7.0			5.0			9.0			5.0			8.0			6.0	7.5		8.0			7.0								7.0				
38	NGUYỄN THỊ THÁI THANH		8.0			6.0			9.0			10			8.0			8.0	8.0		9.0			8.0								9.0				
39	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO		7.0			7.0			9.0			6.0			8.0			6.0	8.0		9.0			8.5								8.0				
40	PHÙNG THỊ MINH THƯ		9.0			5.0			9.0			8.0			8.0			8.0	7.5		9.0			8.0								9.0				
41	HỒ THIÊN TRANG		7.0			6.0			10			10			8.0			8.0	8.0		9.0			7.5								8.0				
42	VŨ THỊ KIỀU TRANG		9.0			4.0			9.0			8.0			7.0			8.0	7.5		8.0			7.5								7.0				
43	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ		6.0			8.0			9.0			9.0			8.0			7.0	7.0		8.0			7.0								8.0				
44	NGUYỄN NGỌC VĂN		7.0			7.0			9.0			9.0			7.0			7.0	7.5		8.0			7.5								8.0				
45	NGUYỄN QUANG VINH		8.0			4.0			9.0			6.0			7.0			6.0	7.0		8.0			7.0								8.0				
46																																			

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A3

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	BÙI THỊ KIỀU ANH		10			8.0			7.0			6.0			7.0			8.5	6.5		9.0			7.0									5.0				
2	NGUYỄN HOÀNG DIỆP ANH		8.5			8.0			5.0			8.0			6.0			8.5	6.5		6.0			7.5									7.0				

3	VŨ THỊ NGỌC ANH		9.0			4.0			8.0			9.0			7.0			7.5	8.0		9.0			8.0								9.0				
4	PHẠM THỊ HỒNG ÁNH		7.0			6.0			9.0			9.0			7.0			7.5	6.5		8.0			8.0								4.0				
5	PHẠM HOÀNG DIỆP		7.0			3.0			10			7.0			9.0			7.5	5.5		7.0			7.5								7.0				
6	PHẠM THÙY DƯƠNG		10			6.0			10			9.0			8.0			7.0	6.5		8.0			7.5								7.0				
7	VŨ TÙNG DƯƠNG		5.0			5.0			7.0			9.0			7.0			8.0	7.5		5.0			8.5												
8	VŨ THỊ ĐÀO		9.0			4.0			7.0			6.0			8.0			7.5	5.5		9.0			7.0								6.0				
9	CAO TIẾN ĐẠT		7.0			3.0			7.0			8.0			7.0			7.0	2.0		5.0			7.5												
10	ĐOÀN TIẾN ĐẠT		8.5			8.0			9.0			7.0			9.0			7.0	6.0		8.0			7.0								5.0				
11	NGUYỄN TRUNG ĐỨC		10			5.0			8.0			7.0			7.0			7.0	5.0		8.0			6.5								5.0				
12	TRẦN ANH ĐỨC		8.5			4.0			6.0			9.0			8.0			7.5	5.5		7.0			6.5								5.0				
13	VŨ HUY ĐỨC		7.0			6.0			5.0			7.0			7.0			7.5	7.5		6.0			6.0								5.0				
14	BÙI ĐỨC LONG HẢI		8.5			4.0			7.0			5.0			7.0			6.0	8.0		9.0			7.5								3.0				
15	PHẠM NGỌC HẢI		10			10			8.0			8.0			9.0			6.5	7.0		8.0			8.5								9.0				
16	NGUYỄN HẢI HẠNH		9.5			7.0			9.0			9.0			7.0			8.0	7.0		7.0			8.0								8.0				
17	NGUYỄN THÁI HẬU		9.5			5.0			7.0			8.0			7.0			6.5	6.5		8.0			7.0								5.0				
18	NGUYỄN CHÍ HIẾU		7.0			5.0			10			8.0			6.0			6.5	7.5		8.0			7.5								8.0				
19	NGUYỄN THỊ XUÂN HÒA		9.5			5.0			7.0			9.0			9.0			8.0	7.5		9.0			7.0								5.0				
20	TRẦN THỊ HUYỀN		9.5			8.0			7.0			9.0			7.0			8.0	7.5		7.0			7.0								7.0				
21	NÔNG QUỲNH HƯƠNG		10			7.0			7.0			8.0			9.0			8.5	6.0		9.0			8.0								7.0				
22	DƯƠNG THỊ MAI LINH		8.5			6.0			7.0			9.0			7.0			8.0	8.0		8.0			8.5								6.0				
23	NGUYỄN THẢO LINH		10			8.0			9.0			5.0			8.0			8.0	8.0		8.0			7.5								10				
24	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH		7.5			2.0			8.0			10			7.0			9.0	8.0		8.0			7.0								9.0				
25	NGUYỄN ĐỨC LƯỢNG		10			9.0			6.0			8.0			6.0			7.0	5.5		8.0			8.0								8.0				
26	BÙI THỊ PHƯƠNG MAI		9.0			9.0			9.0			8.0			7.0			7.5	5.5		9.0			7.5								8.0				
27	TRẦN NGỌC MAI		7.5			8.0			5.0			9.0			9.0			8.0	7.0		6.0			7.0								6.0				
28	TRẦN QUANG MẠNH		10			4.0			8.0			8.0			7.0			7.0	5.5		8.0			6.5								5.0				
29	ĐẶNG TRÀ MY		10			6.0			5.0			7.0			6.0			7.0	6.5		9.0			7.0								8.0				
30	QUYỀN ĐÌNH NAM		10			6.0			10			7.0			7.0			6.0	6.5		8.0			7.0								8.0				
31	TRẦN HỮU NGHĨA		10			8.0			10			10			9.0			7.0	5.5		8.0			7.0								5.0				
32	NGUYỄN BẢO NGỌC		10			10			9.0			9.0			9.0			8.0	7.5		9.0			7.5								9.0				
33	VŨ BÌNH NGUYÊN		7.0			5.0			7.0			7.0			7.0			7.0	5.5		7.0			7.0								4.0				
34	LÊ THỊ TỐ NHƯ		8.5			9.0			8.0			10			9.0			8.5	8.0		9.0			8.0								9.0				
35	BÙI THỊ BÍCH PHƯƠNG		10			5.0			7.0			8.0			7.0			8.0	7.5		9.0			8.5								10				
36	NGUYỄN TRÍ THANH		8.5			6.0			8.0			8.0			7.0			6.5	6.5		8.0			8.0								7.0				
37	TRẦN THU THẢO		10			9.0			9.0			8.0			6.0			8.0	8.0		9.0			7.5								6.0				
38	NGUYỄN THỊ THƯ		8.0			6.0			10			9.0			9.0			8.0	7.5		10			7.0								5.0				
39	TRẦN THỊ THỦY TIÊN		10			5.0			10			9.0			9.0			8.0	7.5		9.0			6.5								5.0				
40	VŨ MẠNH TOÀN		6.0			8.0			9.0			7.0			7.0			8.0	5.5		6.0			7.5								8.0				
41	ĐOÀN THU TRANG		10			7.0			7.0			7.0			7.0			8.0	7.0		9.0			7.5								5.0				
42	LÊ MINH TRANG		9.5			6.0			8.0			9.0			7.0			8.8	5.5		9.0			7.5								7.0				
43	NGÔ THANH TRÚC		8.5			9.0			6.0			9.0			9.0			8.0	7.5		7.0			7.0								1.0				
44	NGUYỄN HỮU TUẤN		6.0			6.0			7.0			8.0			9.0			6.0	6.0		8.0			8.0								5.0				
45	NGUYỄN THANH TÙNG		7.5			6.0			8.0			8.0			9.0			7.0	6.0		8.0			7.5								6.0				
46	PHẠM THỊ HẢI YẾN		10			8.0			9.0			8.0			9.0			7.5	8.0		9.0			7.0								9.0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A4

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	CAO TIẾN ANH		4.0			7.0			8.0			9.0			4.0			8.0	6.5		8.0			7.0									7.0				
2	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH		7.0			7.0			9.0			8.0			3.0			8.0	6.5		8.0			7.5													
3	NGUYỄN VIỆT PHI ANH		5.0			9.0			8.0			9.0			3.0			8.0	5.0		9.0			7.0									9.0				

4	HOÀNG MAI CHI		5.0			5.0			9.0			9.0			5.0			7.0	6.5		8.0			8.0									9.0				
5	LÊ PHƯƠNG DUNG		10			5.0			10			8.0			7.0			8.5	6.5		8.0			7.0									6.0				
6	PHAN THẢO DUYÊN		8.0			8.0			10			10			5.0			8.0	8.0		8.0			6.5									4.0				
7	NGUYỄN TUẤN DŨNG		10			9.0			10			7.0			8.0			7.0	7.0		8.0			6.5									8.0				
8	NGUYỄN TIẾN ĐẠT		8.0			5.0			7.0			8.0			4.0			8.0	5.0		8.0			7.5									8.0				
9	LÊ ĐÀO YẾN GIANG		8.0			5.0			10			9.0			7.0			8.0	8.0		8.0			7.5									8.0				
10	LÊ THỊ THU HÀ		9.0			5.0			10			9.0			7.0			7.0	6.5		8.0			7.5									9.0				
11	NGUYỄN NGỌC HÀ		10			5.0			10			9.0			7.0			8.0	7.0		8.0			8.0									7.0				
12	LÊ ĐỨC HIẾU		9.0			9.0			10			9.0			5.0			8.0	6.0		8.0			8.0									8.0				
13	ĐÀO ĐỨC HIỆP		8.0			8.0			10			10			5.0			8.0	6.5		8.0			7.0									7.0				
14	HOÀNG HIỆP		8.0			7.0			7.0			8.0			4.0			7.0	4.0		8.0			7.0									5.0				
15	PHẠM VÕ TUẤN HOÀN		5.9			6.0			6.0			8.0			5.0			8.0	6.0		8.0			6.5									3.0				
16	NGUYỄN VĂN HUY		0.6			7.0			10			9.0			6.0			7.5	6.5		8.0			7.0									8.0				
17	VŨ NGỌC HUYỀN		0.9			6.0			7.0			9.0			6.0			8.0	8.0		8.0			8.0									7.0				
18	NGUYỄN DUY HÙNG		0.9			6.0			8.0			10			7.0			8.0	8.0		8.0			7.5									3.0				
19	PHAN NGỌC KHIÊM		0.6			6.0			9.0			10			6.0			7.5	6.0		8.0			7.0									7.0				
20	HOÀNG THỊ NGỌC LAN		6.0			7.0			10			9.0			5.0			8.0	6.0		8.0			8.0									8.0				
21	ĐOÀN THÙY LINH		9.0			10			7.0			7.0			5.0			8.5	6.0		8.0			7.0									6.0				
22	NGUYỄN NGỌC HÀ LINH		8.0			8.0			8.0			8.0			8.0			7.0	7.5		8.0			6.5									9.0				
23	NGUYỄN PHƯƠNG LINH		9.0			7.0			9.0			9.0			6.0			7.0	6.5		8.0			7.0													
24	TRẦN MAI LINH		5.0			7.0			10			9.0			6.0			8.0	7.5		8.0			6.5									6.0				
25	TRẦN HẢI LONG		6.0			5.0			9.0			9.0			3.0			7.5	5.5		6.0			6.5									7.0				
26	VŨ THẾ LONG		6.0			5.0			7.0			8.0			2.0			7.5	5.0		8.0			7.0									8.0				
27	NGUYỄN TUYẾT MAI		8.0			9.0			10			9.0			8.0			8.0	8.0		8.0			6.5									7.0				
28	TRẦN BẢO MINH		9.0			6.0			7.0			9.0			5.0			7.5	7.5		8.0			7.5									6.0				
29	HOÀNG NAM		8.0			6.0			9.0			8.0			10			7.5	8.0		9.0			8.0									7.0				
30	ĐẶNG BÍCH NGỌC		5.0			4.0			10			9.0			7.0			8.0	7.5		8.0			7.5									5.0				
31	NGUYỄN MINH NGỌC		9.0			9.0			8.0			10			6.0			8.5	8.0		9.0			7.5									8.0				
32	VŨ BẢO NGỌC		8.0			6.0			7.0			8.0			4.0			7.0	7.5		8.0			7.0									6.0				
33	LÊ HẢI NHI		9.0			4.0			8.0			10			9.0			8.0	8.0		9.0			8.6									10				
34	NGUYỄN HƯNG PHÚ		8.0			4.0			10			10			10			7.5	8.0		8.0			7.5									9.0				
35	TẠ HỒNG PHÚC		9.0			8.0			10			9.0			10			8.0	8.0		8.0			8.0									6.0				
36	PHẠM MAI PHƯƠNG		10			8.0			8.0			9.0			9.0			8.0	5.0		8.0			8.0									6.0				
37	NGUYỄN THÀNH SƠN		8.0			8.0			9.0			10			9.0			7.0	7.0		8.0			8.5									7.0				
38	NGUYỄN DUY THÁI		8.0			10			10			10			9.0			7.5	6.5		8.0			8.0									5.0				
39	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		9.0			7.0			7.0			10						8.0	4.0		8.0			9.0									6.0				
40	ĐOÀN TRỌNG THUẬN		10			8.0			10			9.0			9.0			8.0	6.5		9.0			8.5									9.0				
41	TƯỜNG DUY TÍNH		8.0			9.0			9.0			7.0			9.0			7.0	6.0		8.0			8.0									7.0				
42	TRỊNH QUỲNH TRANG		6.0			6.0			8.0			7.0			7.0			9.0	7.0		8.0			8.5									5.0				
43	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG		8.0			9.0			10			10			9.0			7.5	6.5		8.0			8.5									5.0				
44	NGUYỄN VŨ TÙNG		8.0			7.0			9.0			8.0			7.0			7.5	6.5		8.0			7.5									7.0				
45	NGUYỄN MINH TÚ		10			9.0			10			10			8.0			8.0	8.0		9.0			8.0									10				
46	PHẠM THÀNH VINH		10			7.0			10			10			8.0			9.0	7.5		8.0			7.5									5.0				
47																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A5

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	LÊ QUỲNH ANH		10			3.0			10			8.0			7.0			8.0	6.5		8.0			8.5									4.0				
2	LÊ TUẤN ANH		10			9.0			10			10			8.0			8.0	5.5		8.0			8.0									9.0				
3	PHẠM DUY ANH		9.0			7.0			10			9.0			9.0			8.0	7.5		8.0			9.5									7.0				
4	LÊ TUẤN DŨNG		10			6.0			10			9.0			9.0			8.0	7.0		8.0			8.5									6.0				

5	VŨ VIỆT DŨNG		10			9.0			10			10			8.0			9.0	8.0		8.0			8.0								7.0				
6	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG		10			4.0			10			10			7.0			8.0	8.0		9.0			9.0								10				
7	PHẠM MAI DƯƠNG		10			8.0			8.0			8.0			7.0			9.0	8.5		8.0			9.5								7.0				
8	DƯƠNG TRƯỜNG ĐẠT		10			4.0			9.0			9.0			7.0			8.0	7.5		8.0			7.5								7.0				
9	NGUYỄN TẤT ĐẠT		10			7.0			9.0			10			9.0			8.0	6.5		8.0			9.0								7.0				
10	NGUYỄN THÀNH ĐẠT		10			10			10			10			10			8.0	8.0		8.0			9.5								10				
11	NGÔ HẢI ĐĂNG		10			4.0			10			10			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0								3.0				
12	VŨ MẠNH ĐỨC		10			5.0			9.0			9.0			8.0			9.0	7.5		7.0			8.5								8.0				
13	NGUYỄN MINH HẰNG		9.0			5.0			10			9.0			7.0			8.0	7.0		7.0			9.5								9.0				
14	TRẦN ĐỨC HIẾU		10			8.0			10			10			10			9.0	6.0		8.0			9.5								9.0				
15	HOÀNG MINH HIỂN		10			6.0			9.0			9.0			6.0			9.0	6.5		6.0			9.0								5.0				
16	TRẦN HẢI HOÀNG		10			6.0			10			9.0			9.0			8.0	5.5		8.0			9.0								6.0				
17	PHẠM QUANG HUY		10			5.0			9.5			9.0			9.0			9.0	7.5		8.0			8.5								10				
18	NGUYỄN THU HUYỀN		10			7.0			10			10			9.0			9.0	8.0		9.0			10								9.0				
19	CAO MẠNH HÙNG		10			7.0			10			9.0			6.0			9.0	8.5		9.0			9.0								8.0				
20	PHẠM QUANG HƯNG		10			8.0			10			8.0			9.0			9.0	6.5		8.0			8.5								6.0				
21	NGUYỄN KHÁNH LINH		10			5.0			9.0			9.0			6.0			8.0	8.0		8.0			8.0								9.0				
22	VŨ THÙY LINH		9.0			2.0			9.0			8.0			5.0			9.0	6.0		8.0			8.0								6.0				
23	ĐẶNG THỊ LY		10			6.0			10			10			6.0			8.0	8.0		6.0			9.5								9.0				
24	ĐÀO ĐĂNG MINH		10			8.0			10			10			6.0			9.0	8.5		9.0			9.5								8.0				
25	ĐỖ THỊ HỒNG MINH		10			6.0			10			8.0			8.0			8.0	7.5		7.0			8.0								9.0				
26	VŨ ĐỨC MINH		9.0			6.0			9.0			10			8.0			9.0	8.5		9.0			9.0								8.0				
27	ĐOÀN VĂN NAM		10			5.0			10			9.0			7.0			8.0	6.5		8.0			9.5								5.0				
28	TRẦN THU NGÂN		10			6.0			10			10			7.0			9.0	8.0		9.0			9.0								7.0				
29	LƯƠNG QUANG NINH		10			8.0			9.0			10			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0								8.0				
30	PHẠM CÔNG PHÚC		9.0			7.0			9.5			8.0			9.0			8.0	7.5		8.0			9.0								8.0				
31	HÀ MINH PHƯƠNG		10			7.0			10			10			10			9.0	8.0		9.0			8.0								10				
32	ĐỖ MINH QUANG		10			6.0			9.5			8.0			10			9.0	8.0		8.0			10								9.0				
33	NGUYỄN TRỌNG TẤN		10			8.0			9.0			9.0			8.0			9.0	7.0		8.0			8.0								7.0				
34	VÕ HOÀNG TẤN		9.0			6.0			9.0			9.0			8.0			9.0	8.0		8.0			8.0								7.0				
35	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		10			8.0			10			9.0			9.0			9.0	8.5		9.0			9.0								7.0				
36	NGUYỄN THANH THẢO		10			10			10			10			10			8.0	6.0		9.0			10								9.0				
37	NGUYỄN NGỌC THẮNG		9.0			3.0			10			8.0			8.0			9.0	7.5		8.0			9.5								5.0				
38	NGUYỄN ĐỨC THỌ		10			10			10			9.0			10			9.0	8.0		9.0			9.0								9.0				
39	ĐỖ THANH THÚY		10			5.0			10			9.0			6.0			8.0	8.0		8.0			9.5								9.0				
40	PHẠM HỒNG THÚY		10			2.0			10			7.0			6.0			9.0	7.0		8.0			9.5								9.0				
41	NGUYỄN HOÀNG TIẾN		10						10			9.0			8.0			9.0	8.0		8.0			9.0								6.0				
42	NGUYỄN HÀ TRANG		9.0			5.0			10			10			7.0			8.0	7.0		8.0			9.0								5.0				
43	NGUYỄN BÙI MINH TUẤN		10			6.0			10			10			8.0			9.0	8.0		9.0			9.0								9.0				
44	LẠI HOÀNG TÙNG		10			10			10			10			8.0			9.0	7.5		9.0			8.0								8.0				
45	HOÀNG THÁI TÚ		10			4.0			10			10			9.0			8.0	5.0		8.0			9.0								9.0				
46	VŨ ĐỨC VIỆT		10			3.0			9.0			8.0			6.0			8.0	6.5		9.0			9.0								7.0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A6

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN BÁ AN		9.0			9.0			6.0			7.0			9.0			8.0	5.5		9.0			9.0								6.0					
2	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG ANH		8.0			8.0			6.0			9.0			9.0			6.0	5.5		8.0			8.0								4.0					
3	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH		10			8.0			8.0			8.0			8.0			8.0	6.0		9.0			9.0								5.0					
4	TRẦN TUẤN ANH		6.0			3.0			7.0			7.0			8.0			7.0	6.0		9.0			9.0								4.0					
5	VŨ THỊ LAN ANH		9.0			7.0			7.0			10			9.0			6.0	6.5		8.0			9.0								5.0					

6	BÙI DOÃN KIM CHI		9.0			10			9.0			8.0			8.0			6.0	6.0		7.0			7.0								6.0				
7	VŨ MINH CHIẾN		7.0			4.0			8.0			8.0			9.0			6.0	5.0		8.0			9.0								3.0				
8	NGÔ THẾ CHUẨN		7.0			5.0			6.0			8.0			9.0			7.0	5.0		8.0			9.0								7.0				
9	NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆP		6.0			4.0			7.0			6.0			8.0			7.0	7.0		8.0			8.0								8.0				
10	TRẦN HÙNG DUY		8.0			3.0			6.0			8.0			8.0			7.0	6.5		8.0			9.0								5.0				
11	NGUYỄN TRUNG DŨNG		9.0			6.0			8.0			7.5			9.0			8.0	8.0		8.0			8.0								6.0				
12	NGÔ QUANG ĐẠT		5.0			7.0			8.0			7.0			9.0			7.0	6.0		8.0			7.0								4.0				
13	TRẦN XUÂN ĐỨC		7.0			8.0			8.0			7.5			8.0			6.0	5.5		8.0			8.0								8.0				
14	LÊ THỊ HÀ		8.0			5.0			8.0			8.5			9.0			6.0	5.5		8.0			8.0								7.0				
15	NGUYỄN THỊ HIỀN		9.0			10			5.0			9.0			8.0			7.0	6.5		9.0			9.0								8.0				
16	PHẠM BÙI MỸ HOA		4.0			9.0			7.0			9.0			8.0			9.0	8.0		8.0			7.0								7.0				
17	PHẠM VIỆT HOÀNG		8.0			6.0			8.0			7.0			8.0			7.0	6.0		8.0			8.0								5.0				
18	VŨ THỊ BÍCH HUỆ		8.0			5.0			7.0			5.0			10			8.0	6.5		8.0			9.0								9.0				
19	NGUYỄN THẾ TỪ HY		8.0			9.0			7.0			8.0			8.0			8.0	7.5		8.0			9.0								7.0				
20	BÙI ANH KIỆT		10			10			7.0			10			10			8.0	6.0		8.0			10								9.0				
21	BÙI KHÁNH LINH		9.0			4.0			7.0			7.0			9.0			7.0	6.5		8.0			9.0								7.0				
22	ĐẶNG KHÁNH LINH		5.0			9.0			8.0			7.0			9.0			8.0	9.0		8.0			8.0								6.0				
23	ĐỖ THỊ HẢI LINH		10			9.0			6.0			5.0			8.0			7.0	6.0		8.0			7.0								9.0				
24	TRƯƠNG THÙY LINH		6.0			6.0			6.0			7.0			9.0			7.0	5.5		9.0			9.0								8.0				
25	VŨ KHÁNH LINH		6.0			5.0			7.0			7.0			9.0			9.0	8.0		8.0			9.0								7.0				
26	ĐỖ NHẬT MINH		7.0			8.0			8.0			5.0			8.0			7.0	6.5		8.0			6.0								7.0				
27	ĐÀO NGỌC MỸ		8.0			8.0			6.0			10			8.0			8.0	8.0		8.0			9.0								9.0				
28	LƯƠNG HIỀN NGỌC		6.0			5.0			6.0			6.0			8.0			7.0	6.0		7.0			9.0								6.0				
29	LƯƠNG MINH NGỌC		8.0			4.0			6.0			6.0			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0								7.0				
30	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGỌC		7.0			4.0			8.0			5.0			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0								9.0				
31	NGUYỄN THẢO NGUYÊN		6.0			9.0			8.0			8.0			9.0			7.0	6.5		8.0			7.0								8.0				
32	NGUYỄN ĐỨC NHẬT		9.0			9.0			6.0			10			8.0			7.0	6.5		8.0			10								8.0				
33	ĐINH YẾN NHI		9.0			8.0			9.0			9.5			8.0			7.0	6.5		8.0			8.0								9.0				
34	TRẦN HÀ PHAN		8.0			5.0			8.0			7.0			9.0			8.0	6.5		8.0			7.0								5.0				
35	PHÙNG XUÂN PHONG		8.0			8.0			9.0			10			8.0			8.0	7.0		9.0			10								5.0				
36	VŨ MINH SỸ		9.0			8.0			8.0			5.0			9.0			7.0	6.5		8.0			9.0								9.0				
37	TRẦN THỊ ANH THƯ		8.0			9.0			8.0			6.0			9.0			7.0	6.0		8.0			9.0								3.0				
38	ĐỖ THU TRANG		9.0			5.0			7.0			8.0			9.0			6.0	7.5		8.0			9.0								8.0				
39	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG		9.0			5.0			8.0			8.0			9.0			8.0	7.0		8.0			9.0								5.0				
40	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG		6.0			4.0			8.0			6.0			9.0			7.0	7.0		7.0			8.0								5.0				
41	HỒ XUÂN TRƯỜNG		7.0			4.0			8.0			6.0			8.0			6.0	5.5		6.0			8.0								5.0				
42	NGUYỄN QUANG TÙNG		8.0			10			8.0			8.0			7.0			7.0	6.5		9.0			6.0								7.0				
43	VŨ SƠN TÙNG		9.0			6.0			6.0			7.0			7.0			7.0	7.0		7.0			9.0								8.0				
44	ĐINH HOÀNG KHÁNH VÂN		9.0			4.0			6.0			8.0			9.0			7.0	6.0		8.0			8.0								5.0				
45	ĐẶNG THỊ HÀ VI		7.0			5.0			7.0			7.0			9.0			7.0	5.5		8.0			8.0								7.0				
46	VŨ HOÀNG VIỆT		8.0			9.0			8.0			9.0			8.0			7.0	6.0		8.0			8.0								8.0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A7

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	HOÀNG VŨ VIỆT ANH		6.0			10			7.0			8.0			8.0			6.0	8.0		9.0			9.0									9.0				
2	NGUYỄN ĐỨC ANH		7.5			6.0			7.0			5.0			8.0			7.0	5.5		9.0			6.0									5.0				
3	NGUYỄN KIM ANH		6.0			9.0			7.0			8.0			8.0			8.0	7.0		9.0			7.0									6.0				
4	NGUYỄN QUỲNH ANH		5.5			5.0			7.0			8.0			7.0			8.0	7.0		9.0			8.0									7.0				
5	NGUYỄN VIỆT ANH		3.0			9.0			9.0			9.0			8.0			7.0	6.5		8.0			8.0									8.0				
6	TRẦN THỊ VÂN ANH		7.0			10			8.0			7.0			8.0			8.0	7.5		9.0			7.0									7.0				

7	ĐỖ THỊ LINH CHI		7.0			10			7.0			7.0			8.0			6.0	5.5		9.0			8.0									6.0				
8	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT		2.0			8.0			6.0			5.0			9.0			6.0	4.0		7.0			8.0									5.0				
9	NGUYỄN TIẾN ĐẠT		8.5			5.0			7.0			7.0			8.0			7.0	7.0		8.0			8.0									5.0				
10	PHẠM THU HÀ		5.5			9.5			7.0			7.0			8.0			8.0	7.0		8.0			8.0									10				
11	ĐINH NGỌC HÂN		8.0			10			6.0			7.0			10			9.0	8.0		9.0			8.0									6.0				
12	BÙI LẠI TRUNG HIẾU		2.0			2.0			7.0			5.0			9.0			7.0	6.0		8.0			8.0									4.0				
13	NGUYỄN TRUNG HIẾU		8.5			10			7.0			6.0			9.0			7.0	6.0		8.0			8.0									2.0				
14	TRỊNH TRUNG HIẾU		3.0			9.0			7.0			5.0			8.0			8.0	7.5		9.0			8.0									8.0				
15	NGUYỄN HUY HOÀNG		5.0			8.0			8.0			8.0			9.0			7.0	6.5		8.0			6.0									5.0				
16	NGUYỄN HƯƠNG HUYỀN		4.0			7.0			7.0			8.0			9.0			6.0	5.5		6.0			7.0									6.0				
17	VŨ THU HUYỀN		3.0			7.5			7.0			0			9.0			8.0	7.5		8.0			8.0									5.0				
18	NGUYỄN MẠNH HÙNG		5.0			10			8.0			6.0			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0									8.0				
19	LÊ THỊ THANH HƯƠNG		9.0			9.5			7.0			7.0			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0									4.0				
20	NGUYỄN TRUNG KIÊN		4.0			8.0			7.0			5.0			8.0			6.0	5.0		8.0			9.0									6.0				
21	HOÀNG TỐ LINH		8.0			10			7.0			7.0			9.0			7.0	6.5		7.0			8.0									7.0				
22	VŨ HẢI LINH		4.0			6.5			6.0			7.0			9.0			8.0	7.0		8.0			7.0									8.0				
23	TRẦN PHƯƠNG LOAN		6.5			9.0			6.0			7.0			8.0			7.0	6.5		8.0			8.0									7.0				
24	NGUYỄN NGỌC MAI		6.5			9.0			7.0			5.0			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0									9.0				
25	NGUYỄN NHẬT MINH		5.0			9.0			7.0			7.0			7.0			7.0	6.0		8.0			7.0									6.0				
26	TRẦN QUANG MINH		8.0			10			8.0			10			7.0			8.0	8.0		8.0			9.0									7.0				
27	PHẠM THỊ TRÀ MY		9.0			10			6.0			6.0			8.0			8.0	6.0		9.0			8.0									8.0				
28	NGUYỄN THỊ THU NGÂN		6.0			7.0			7.0			8.0			7.0			7.0	6.5		9.0			9.0									6.0				
29	VŨ THỊ NGÂN		8.0			9.0			8.0			10			8.0			7.0	6.0		9.0			8.0									8.0				
30	NGUYỄN HẢI PHONG		4.0			8.0			8.0			5.0			7.0			8.0	6.0		8.0			8.0									3.0				
31	BÙI DIỄM QUỲNH		2.0			6.0			7.0			5.0			8.0			7.0	6.0		7.0			8.0									5.0				
32	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH		6.0			10			7.0			7.0			7.0			8.0	7.0		9.0			8.0									3.0				
33	NGUYỄN NHƯ QUỲNH		10			10			8.0			7.0			8.0			8.0	6.5		8.0			9.0									8.0				
34	VŨ THỊ NGỌC QUỲNH		5.5			10			7.0			6.0			8.0			7.0	6.0		8.0			7.0									10				
35	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		4.0			10			6.0			8.0			9.0			8.0	7.0		8.0			7.0									10				
36	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO		6.0			9.0			6.0			7.0			9.0			7.0	6.5		9.0			7.0									9.0				
37	VŨ VIẾT THẮNG		6.0			10			7.0			8.0			8.0			8.0	7.5		9.0			8.0									7.0				
38	VŨ THỊ THANH THU		6.5			9.0			9.0			6.0			9.0			8.0	7.0		9.0			9.0									3.0				
39	PHẠM VĂN TIẾN		6.0			9.0			7.0			8.0			9.0			7.0	6.0		8.0			6.0									8.0				
40	TRẦN CÔNG TOÀN		5.0			8.0			7.0			8.0			8.0			8.0	7.0		9.0			8.0									5.0				
41	NGUYỄN VIỆT TRUNG		5.0			10			8.0			5.0			9.0			8.0	7.0		8.0			9.0									7.0				
42	NGUYỄN THỊ TRÚC		10			10			7.0			8.0			10			7.0	6.5		9.0			7.0									8.0				
43	PHẠM THANH TÙNG		5.0			8.0			8.0			9.0			8.0			7.0	6.0		5.0			9.0									3.0				
44	ĐÀO HỒNG VÂN		9.0			10			7.0			10			8.0			7.0	6.0		8.0			9.0									6.0				
45	VŨ HÀ VY		7.5			7.0			7.0			5.0			8.0			7.0	5.5		8.0			8.0									5.0				
46	NGUYỄN HOÀNG YẾN		6.0			10			7.0			5.0			9.0			7.0	6.0		8.0			7.0									5.0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A8

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN THÙY AN		9.0			8.0			9.5			10			9.0			9.0	7.0		9.0			10									9.0				
2	NGÔ NGỌC ANH		7.0			2.0			5.3			5.0			8.0			7.0	8.0		9.0			10									3.0				
3	NGUYỄN ĐỖ THẾ ANH		9.0			7.0			8.5			10			8.0			7.0	7.0		8.0			10									7.0				
4	NGUYỄN TUẤN MINH ANH		9.0			8.0			8.5			9.0			8.0			8.0	8.5		9.0			9.0									6.0				
5	PHẠM THỊ NGỌC ANH		8.0			9.0			6.0			10			9.0			8.0	7.0		9.0			10									6.0				
6	PHẠM VIỆT ANH		5.0			5.0			5.2			8.0			8.0			8.0	7.5		8.0			10									7.0				
7	VŨ NGỌC ÁNH		10			9.0			6.3			10			8.0			8.0	7.5		8.0			9.0									5.0				

8	NGUYỄN CHÍ CÔNG		0			0			0			0			0			0	0		0			0								0				
9	NGÔ THỊ THÙY DUNG		5.0			5.0			6.0			7.0			8.0			9.0	8.0		9.0			10								9.0				
10	PHẠM THÙY DUNG		9.0			9.0			10			9.0			10			9.0	8.5		10			10								9.0				
11	NGUYỄN TRẦN DŨNG		5.0			5.0			4.5			5.0			7.0			8.0	8.0		8.0			9.0								6.0				
12	QUÁCH HƯƠNG GIANG		9.0			9.0			10			10			8.0			8.0	7.5		9.0			10								6.0				
13	GIÁP THỊ THANH HÀ		7.0			9.0			6.3			6.0			8.0			8.0	8.0		9.0			10								9.0				
14	LÊ THỊ THU HÀ		5.0			6.0			6.0			8.0			9.0			9.0	7.5		9.0			10								6.0				
15	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ		5.0			2.0			5.3			6.0			8.0			7.0	8.0		9.0			10								6.0				
16	PHÙNG THỊ HẢI		6.0			7.5			5.3			7.0			10			9.0	7.0		9.0			10								7.0				
17	PHẠM QUANG HIỀN		7.0			8.0			9.5			8.0			8.0			8.0	7.0		9.0			10								5.0				
18	NGUYỄN HUY HOÀNG		8.0			9.0			8.6			10			8.0			10	8.0		8.0			10								8.0				
19	ĐẶNG THANH HUYỀN		7.0			8.0			8.0			9.0			10			9.0	8.5		8.0			9.0								7.0				
20	ĐỖ THANH HƯƠNG		7.0			6.0			5.2			8.0			8.0			9.0	8.5		9.0			10								9.0				
21	NGUYỄN THỊ HƯỜNG		5.0			5.0			6.0			10			8.0			9.0	8.0		9.0			10								8.0				
22	PHẠM THÚY HƯỜNG		8.0			7.0			6.0			10			8.0			9.0	8.0		9.0			9.0								7.0				
23	NGUYỄN BẢO KHÁNH		7.0			3.0			5.0			7.0			8.0			8.0	8.5		8.0			7.0								6.0				
24	HOÀNG THỊ DIỆP LINH		6.0			6.0			5.2			10			9.0			9.0	9.0		9.0			9.0								9.0				
25	LÝ PHƯƠNG THẢO LINH		7.0			5.0			6.0			7.0			8.0			8.0	7.0		9.0			10								7.0				
26	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH		5.0			6.0			6.8			10			9.0			7.0	8.5		7.0			9.0								4.0				
27	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH		7.0			3.0			6.8			8.0			9.0			8.0	7.0		9.0			9.0								7.0				
28	NGUYỄN THÙY LINH		7.0			8.0			7.6			0			8.0			9.0	7.5		8.0			10								9.0				
29	PHẠM TRẦN KHÁNH LINH		8.0			10			6.8			9.0			9.0			8.0	8.0		9.0			10								10				
30	NGUYỄN VĂN LONG		6.0			4.5			5.5			9.0			8.0			8.0	7.5		8.0			1.0								6.0				
31	NGUYỄN THÚY MAI		5.0			6.0			8.5			10			8.0			7.0	7.5		7.0			10								5.0				
32	BÙI ĐỨC MINH		4.0			5.0			5.2			5.0			8.0			7.0	7.5		9.0			10								6.0				
33	NGUYỄN TUỆ MINH		9.0			7.0			7.2			10			8.0			9.0	8.5		9.0			10								9.0				
34	PHẠM THỊ NGỌC MINH		10			8.0			6.8			9.0			8.0			7.0	7.5		8.0			10								6.0				
35	NGUYỄN PHƯƠNG NAM		5.0			6.0			5.5			8.0			7.0			7.0	8.0		8.0			9.0								6.0				
36	BÙI THỊ KIM NGÂN		6.0			6.0			4.5			10			8.0			9.0	8.5		9.0			10								5.0				
37	VŨ THỊ NHÃ		8.0			6.0			4.5			9.0			8.0			9.0	7.0		9.0			9.0								9.0				
38	NGUYỄN NGỌC OANH		6.0			3.0			6.0			5.0			9.0			8.0	8.5		9.0			10								5.0				
39	NGÔ THỊ KHÁNH QUYÊN		9.0			6.0			4.5			7.0			8.0			8.0	7.5		9.0			10								8.0				
40	NGUYỄN THẢO QUYÊN		8.0			4.0			4.5			7.0			8.0			8.0	8.0		9.0			10								7.0				
41	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH		5.0			8.0			8.8			10			8.0			7.0	9.0		8.0			9.0								9.0				
42	VŨ THỊ THANH		7.0			6.0			6.8			9.0			8.0			8.0	8.0		8.0			10								8.0				
43	NGUYỄN CÔNG THÀNH		5.0			7.0			8.5			10			9.0			8.0	8.0		8.0			9.0								4.0				
44	ĐINH NGỌC THÚY		9.0			9.0			7.5			8.0			8.0			9.0	7.5		9.0			10								8.0				
45	BÙI THU TRANG		5.0			9.0			7.0			9.0			9.0			9.0	8.5		9.0			9.0								7.0				
46	ĐINH THU TRANG		7.0			5.0			6.2			6.0			9.0			9.0	8.5		9.0			10								7.0				
47	ĐINH NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN		5.0			2.0			5.2			7.0			8.0			7.0	7.5		9.0			10								9.0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A9

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	LÊ HOÀNG PHƯƠNG ANH		10			5.0			9.3			8.0			10			8.0	6.5		9.0			9.0									9.0				
2	NGUYỄN NGỌC ANH		10			8.0			7.7			10			8.0			8.0	7.0		8.0			8.0									7.0				
3	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH		10			9.0			7.5			10			8.0			8.0	6.5		9.0			8.0									8.0				
4	NGUYỄN HOÀNG BẢO		10			5.0			6.8			8.0			8.0			7.0	7.0		8.0			10									9.0				
5	NGUYỄN THANH BÌNH		10			10			8.6			10			9.0			8.0	7.0		8.0			8.0									8.0				
6	NGUYỄN NGỌC QUỲNH CHI		8.5			7.0			8.5			10			8.0			9.0	8.0		8.0			8.0									7.0				
7	VŨ ĐỨC DUY		8.0			5.0			6.0			9.0			8.0			8.0	7.0		8.0			8.0									5.0				

8	NGUYỄN THỊ MAI DUYÊN		10			9.0			9.3			9.0			9.0			8.0	7.5		8.0			9.0									8.0				
9	NGUYỄN MẠNH DŨNG		9.0			5.0			7.7			7.0			9.0			7.0	7.0		8.0			9.0									4.0				
10	NGUYỄN THÙY DƯƠNG		10			5.0			7.7			8.0			9.0			9.0	8.0		8.0			9.0									7.0				
11	TĂNG HỮU ĐỨC		8.5			7.0			7.6			7.0			8.0			7.0	5.0		8.0			8.0									5.0				
12	VĂN THU GIANG		9.5			10			8.5			8.0			8.0			8.0	7.5		9.0			9.0									8.0				
13	HOÀNG LÊ THU HÀ		8.5			6.0			7.7			8.0			9.0			8.0	7.5		8.0			9.0									6.0				
14	NGUYỄN THÁI HÀ		6.0			6.0			7.8			7.0			8.0			8.0	5.0		8.0			9.0									7.0				
15	TRẦN THU HÀ		5.0			6.0			7.7			9.0			10			8.0	7.5		9.0			8.0									6.0				
16	HOÀNG THỊ THU HIỀN		10			10			10			9.0			8.0			8.0	7.5		9.0			9.0									8.0				
17	LÊ PHƯƠNG HIẾU		8.0			4.0			5.0			6.0			8.0			8.0	8.0		8.0			9.0									6.0				
18	LẠI VIỆT HOÀNG		10			9.0			6.0			8.0			8.0			8.0	7.5		7.0			9.0									5.0				
19	NGUYỄN HUY HOÀNG		6.5			6.0			5.2			7.0			8.0			7.0	4.5		8.0			10									5.0				
20	NGUYỄN HUY HOÀNG		10			7.0			6.0			9.0			8.0			9.0	8.0		8.0			9.0									6.0				
21	NGUYỄN LƯU HOÀNG		8.0			5.0			6.0			9.0			8.0			8.0	6.5		8.0			9.0									6.0				
22	TRỊNH QUỐC HUY		8.0			6.0			6.8			10			9.0			8.0	7.5		8.0			8.0									3.0				
23	ĐINH KHÁNH HUYỀN		9.0			6.0			10			8.0			8.0			8.0	7.5		8.0			9.0									6.0				
24	VƯƠNG THU HUYỀN		10			10			8.5			10			8.0			8.0	7.5		9.0			9.0									9.0				
25	NGUYỄN DUY HƯNG		10			5.0			6.8			5.0			7.0			8.0	7.0		9.0			9.0									7.0				
26	HOÀNG PHƯƠNG LAN		10			4.0			6.0			6.0			8.0			8.0	8.0		8.0			8.0									6.0				
27	PHẠM HOÀNG LINH		10			7.0			6.0			1.0			8.0			9.0	7.5		8.0			8.0									7.0				
28	PHẠM KHÁNH LINH		10			9.0			8.5			8.0			10			9.0	7.5		8.0			9.0									6.0				
29	PHÙNG MAI LINH		10			9.0			10			9.0			8.0			8.0	7.5		9.0			9.0									9.0				
30	VŨ KHÁNH LINH		10			6.0			6.8			7.0			8.0			8.0	7.5		8.0			10									2.0				
31	NGÔ THÙY LƯƠNG		8.5			6.0			8.8			7.0			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0									7.0				
32	MAI SAO MAI		10			9.0			10			8.0			9.0			8.0	7.0		9.0			9.0									6.0				
33	NGUYỄN HÀ MY		7.0			7.0			2.7			7.0			9.0			8.0	6.0		8.0			9.0									6.0				
34	TRẦN HOÀNG NAM		9.0			8.0			10			8.0			8.0			8.0	7.5		8.0			10									7.0				
35	LÊ THỊ PHƯƠNG NGA		7.0			9.0			7.7			9.0			9.0			7.0	6.5		8.0			10									7.0				
36	NGUYỄN KHÁNH NGỌC		8.5			7.0			7.7			10			10			8.0	6.5		9.0			6.0									8.0				
37	ĐÀO SỸ NGUYÊN		9.0			9.0			6.8			9.0			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0									7.0				
38	HOÀNG THỊ LAN NHI		8.5			7.0			6.0			10			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0									8.0				
39	VŨ LAN PHƯƠNG		10			7.0			9.3			9.0			9.0			8.0	8.0		8.0			9.0									9.0				
40	NGUYỄN THẢO QUỲNH		10			5.0			10			9.0			8.0			8.0	6.0		8.0			10									8.0				
41	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH		10			4.0			7.7			9.0			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0									6.0				
42	NGUYỄN CẢNH SƠN		10			9.0			7.6			10			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0									7.0				
43	HOÀNG THU THẢO		10			8.0			8.5			9.0			8.0			8.0	7.5		8.0			9.0									9.0				
44	VŨ THỊ LÊ THÙY		7.0			6.0			6.8			6.0			8.0			9.0	8.0		8.0			9.0									3.0				
45	NGUYỄN THỊ MINH THƯ		9.0			8.0			7.7			10			9.0			8.0	6.5		8.0			9.0									7.0				
46	LÃ HUYỀN TRANG		8.5			5.0			6.0			7.0			8.0			8.0	6.5		8.0			10									5.0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 11A10

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	ĐỖ QUỲNH ANH		9.5			10			10			9.5			8.0			8.0	6.5		8.0			8.0									7.0				
2	NGUYỄN VŨ VIỆT ANH		4.5			8.0			6.8			9.0			8.0			7.0	6.0		9.0			8.0									7.0				
3	VŨ ĐỨC ANH		8.5			8.0			6.0			9.0			8.0			8.0	6.0		9.0			9.0									5.0				
4	VƯƠNG QUỐC BÌNH		7.5			5.0			5.2			6.0			9.0			8.0	8.5		9.0			8.0									7.0				
5	PHẠM DUY CHIẾN		5.5			7.0			7.0			9.0			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0									6.0				
6	LÊ TẤN CƯỜNG		8.5			9.0			7.7			7.5			9.0			8.0	5.5		8.0			7.0									9.0				
7	BÙI SƠN DƯƠNG		10			9.0			10			5.5			8.0			8.0	7.0		8.0			8.0									7.0				
8	NGUYỄN KHẮC THÀNH ĐẠT		8.0			3.0			5.2			5.0			9.0			7.0	7.5		8.0			7.0									6.0				

9	VŨ THU HÀ		10			9.0			7.7			10			9.0			8.0	7.0		8.0			7.0								10				
10	LÊ MINH HOÀNG		7.0			5.0			7.7			5.0			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0								7.0				
11	TRƯƠNG HUY HOÀNG		9.5			6.0			7.7			5.0			8.0			8.0	7.0		8.0			7.0								6.0				
12	NGUYỄN GIA HUY		7.0			5.0			6.3			8.0			8.0			7.0	7.5		8.0			9.0								8.0				
13	NGUYỄN DIỆU HUYỀN		9.5			6.0			7.7			9.5			9.0			8.0	8.0		9.0			8.0								9.0				
14	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN		5.0			5.0			7.7			7.0			10			8.0	8.0		8.0			8.0								4.0				
15	BÙI GIA HƯNG		9.0			6.0			9.2			10			8.0			7.0	7.0		8.0			9.0								3.0				
16	PHÙNG PHÚC HƯNG		8.0			4.0			7.7			7.5			8.0			7.0	7.0		7.0			7.0								7.0				
17	BÙI NHẬT HƯƠNG		9.0			5.0			5.2			7.5			9.0			8.0	7.0		7.0			7.0								5.0				
18	LƯƠNG THỊ THANH HƯƠNG		9.5			6.0			9.3			8.5			8.0			9.0	8.5		9.0			7.0								10				
19	TRẦN TRUNG KIÊN		8.5			5.0			7.7			7.5			8.0			8.0	7.0		9.0			8.0								7.0				
20	HOÀNG THÙY LINH		9.0			7.0			6.8			7.5			9.0			8.0	7.0		8.0			8.0								9.0				
21	LÊ KHÁNH LINH		7.5			9.0			7.7			7.0			9.0			8.0	7.5		8.0			9.0								8.0				
22	NGÔ THỊ KHÁNH LINH		8.5			5.0			6.8			7.0			8.0			8.0	7.0		7.0			8.0								5.0				
23	NGUYỄN DIỆU LINH		9.5			8.0			10			8.0			9.0			8.0	8.0		8.0			8.0								7.0				
24	NGUYỄN ANH MINH		9.0			6.0			4.3			5.0			8.0			8.0	5.0		7.0			8.0								2.0				
25	NGUYỄN VĂN MINH		5.5			3.0			6.0			8.0			8.0			8.0	7.5		8.0			7.0								6.0				
26	PHAN THU MINH		9.5			5.0			6.0			7.5			8.0			8.0	8.0		7.0			8.0								6.0				
27	NGUYỄN PHƯƠNG NGA		8.5			6.0			9.2			8.0			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0								6.0				
28	NGUYỄN CHUNG NGUYÊN		8.5			7.0			6.0			8.5			8.0			8.0	6.5		9.0			8.0								8.0				
29	NGUYỄN YẾN NHI		10			4.0			8.5			9.5			9.0			8.0	7.5		8.0			8.0								10				
30	ĐẶNG VŨ HOÀNG SƠN		8.5			8.0			8.8			9.5			8.0			7.0	8.5		8.0			8.0								7.0				
31	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH		8.5			9.0			10			9.0			9.0			8.0	6.5		8.0			9.0								7.0				
32	NGUYỄN THỊ THANH THANH		8.5			6.0			10			8.5			8.0			8.0	7.5		9.0			7.0								5.0				
33	NGUYỄN MINH THÀNH		7.5			7.0			5.2			6.0			8.0			7.0	6.5		8.0			7.0								8.0				
34	NGUYỄN THÀNH THÁI		7.0			5.0			6.0			7.0			8.0			7.0	7.5		8.0			9.0								4.0				
35	PHẠM VĂN THÁI		8.5			6.0			5.2			9.5			8.0			8.0	6.0		7.0			8.0								8.0				
36	ĐINH LÊ THU THẢO		9.5			9.0			3.5			7.5			9.0			8.0	7.0		9.0			7.0								7.0				
37	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		9.0			9.0			9.3			10			8.0			8.0	8.0		8.0			8.0								6.0				
38	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		9.0			6.0			7.7			7.5			9.0			8.0	8.0		8.0			10								7.0				
39	NGUYỄN XUÂN THẮNG		9.5			9.0			8.5			8.0			9.0			7.0	7.5		8.0			8.0								7.0				
40	PHÙNG THU TRANG		7.5			10			7.7			8.5			9.0			8.0	8.0		8.0			8.0								6.0				
41	TRỊNH THU TRANG		8.5			7.0			6.8			9.5			8.0			8.0	8.0		8.0			8.0								9.0				
42	ĐẶNG HỮU TRUNG		9.5			7.0			6.0			8.0			8.0			7.0	8.0		9.0			8.0								6.0				
43	MAI THẾ TUẤN		7.5			4.0			6.0			6.0			8.0			7.0	7.5		8.0			8.0								6.0				
44	VŨ HẠ VI		7.5			5.0			5.2			6.5			7.0			8.0	6.0		7.0			7.0								5.0				
45	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN		8.5			7.0			7.7			8.5			8.0			8.0	8.5		9.0			8.0								8.0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0								0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A1

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN HẢI ANH		8.0			7.5			6.0			5.0			8.0			8.0	6.5		8.0			7.0			9.0						10				
2	NGUYỄN PHƯƠNG ANH		10			4.0			5.0			7.0			8.0			8.0	7.5		9.0			7.5			10						9.0				
3	VŨ THỊ QUYỀN ANH		8.0			6.0			10			7.0			8.0			8.0	7.0		8.0			8.0			8.0						10				
4	HÀ THÙY DUNG		10			3.0			8.0			10			8.0			8.0	7.5		9.0			8.0			8.0						9.0				
5	LÊ THÙY DUNG		10			6.5			5.0			8.0			9.0			8.0	6.5		8.0			7.0			9.0						9.0				
6	BÙI THỊ HÀO		9.0			9.0			9.0			10			8.0			8.0	7.0		8.0			7.0			10						10				
7	TRẦN NGỌC HẢI		7.0			7.5			9.0			8.0			8.0			9.0	6.0		8.0			7.5			10						10				
8	TRỊNH HỒNG HẠNH		7.0			10			9.0			10			8.0			8.0	7.0		8.0			7.0			8.0						10				
9	HÀU THỊ HẬU		8.0			5.0			7.0			10			8.0			8.0	8.0		8.0			7.5			10						10				

10	HOÀNG THANH HUYỀN		9.0			2.0			8.0			7.0			9.0			8.0	7.0		8.0			7.0			9.0						10				
11	ĐÀO MẠNH HÙNG		6.0			7.0			6.0			10			8.0			8.0	7.0		9.0			7.0			8.0						9.0				
12	HOÀNG VIỆT HƯNG		9.0			9.5			8.0			7.0			8.0			9.0	5.5		8.0			7.5			8.0						10				
13	ĐINH THỊ THU HƯƠNG		7.0			2.0			5.0			10			8.0			8.0	7.5		8.0			7.0			9.0						9.0				
14	MẦU MINH KHẢI		5.0			6.0			9.0			7.0			8.0			8.0	7.0		8.0			7.5			9.0						10				
15	NGUYỄN XUÂN KHUÊ		6.0			6.5			7.0			8.0			8.0			8.0	7.0		9.0			7.0			8.0						9.0				
16	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN		7.0			8.5			7.0			10			8.0			8.0	5.0		8.0			6.5			8.0						9.0				
17	CAO VŨ LÂM		2.0			6.0			8.0			9.0			8.0			9.0	6.5		8.0			7.0			5.0						10				
18	VŨ THỊ THÙY LINH		6.0			6.0			6.0			9.0			9.0			9.0	5.0		8.0			8.0			5.0						10				
19	VŨ THÙY LINH		10			10			9.0			10			9.0			9.0	7.0		8.0			7.5			8.0						10				
20	NGUYỄN HẢI LONG		6.0			9.0			8.0			10			8.0			9.0	6.0		9.0			7.5			10						9.0				
21	VŨ THỊ TUYẾT MAI		8.0			7.5			9.0			9.0			8.0			9.0	5.0		8.0			8.0			7.0						10				
22	LẠI HỒNG NGỌC		10			10			6.0			10			8.0			9.0	7.0		8.0			8.0			10						9.0				
23	NGUYỄN TUẤN NGỌC		9.0			10			9.0			10			8.0			8.0	6.5		8.0			8.5			8.0						10				
24	LÊ THỊ HỒNG NHUNG		9.0			7.0			8.0			10			8.0			8.0	6.0		8.0			8.5			7.0						9.0				
25	LÊ NGỌC NINH		7.0			10			8.0			10			8.0			9.0	6.0		9.0			7.0			9.0						9.0				
26	PHÙNG AN NINH		9.0			3.5			7.0			7.0			8.0			7.0	7.0		8.0			7.5			7.0						10				
27	HOÀNG MINH PHƯƠNG		6.0			5.0			5.0			8.0			8.0			8.0	6.0		8.0			7.0			7.0						9.0				
28	NGUYỄN MINH SƠN		8.0			6.0			7.0			0			8.0			8.0	7.0		8.0			7.0			9.0						9.0				
29	LÊ MINH THÁI		6.0			4.0			5.0			8.0			10			9.0	5.5		9.0			7.0			7.0						9.0				
30	ĐOÀN THỊ HUYỀN TRANG		10			6.0			5.0			10			9.0			9.0	7.5		9.0			8.0			10						9.0				
31	LÊ THỊ MINH TRANG		8.0			9.0			9.0			10			9.0			9.0	6.5		8.0			7.5			8.0						10				
32	NGUYỄN TRIỆU THU TRANG		7.0			2.0			7.0			10			9.0			9.0	6.0		9.0			7.0			7.0						9.0				
33	QUẢN NGỌC TRUNG		8.0			10			9.0			10			8.0			9.0	5.5		8.0			7.5			8.0						10				
34	QUÁN VĂN TUẤN		9.0			9.5			6.0			10			9.0			8.0	6.0		8.0			8.0			9.0						9.0				
35	TRẦN THANH TÙNG		10			7.5			9.0			10			8.0			9.0	5.5		8.0			7.5			10						10				
36	ĐINH QUANG TÚ		7.0			2.0			9.0			5.0			8.0			8.0	6.5		9.0			7.5			6.0						9.0				
37	ĐOÀN THỊ UYÊN		10			9.0			8.0			10			8.0			8.0	7.5		9.0			8.0			9.0						9.0				
38	TRẦN VI UYÊN		10			3.0			8.0			8.0			8.0			9.0	7.5		9.0			7.5			8.0						10				
39	NGÔ THỊ HOÀNG YẾN		4.0			3.0			9.0			9.0			8.0			9.0	6.5		9.0			7.0			8.0						10				
40			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
41			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
42			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A2

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	HOÀNG THỊ LỆ CHI		4.5			6.5			7.0			9.0			8.0			9.0	7.0		9.0			7.0			10						8.0				
2	MAI LINH CHI		5.0			8.5			7.0			5.0			9.0			9.0	7.5		10			7.5			9.0						10				
3	LÊ HỒNG CƯ		5.0			9.5			7.0			7.0			8.0			8.0	7.5		9.0			8.0			7.0						9.0				
4	PHẠM QUỐC CƯỜNG		6.5			5.5			6.0			6.0			8.0			9.0	8.0		9.0			7.5			8.0						9.0				
5	HOÀNG LÊ DUY		5.0			6.5			7.0			6.0			9.0			8.0	6.0		9.0			6.0			8.0						8.0				
6	LÊ TIẾN DŨNG		9.0			8.5			8.0			8.0			8.0			8.0	5.5		10			6.5			6.0						10				
7	LÊ QUÝ ĐẠI		10			10			7.0			8.0			8.0			9.0	7.5		9.0			6.0			8.0						9.0				
8	CHU QUANG ĐẠT		6.5			8.0			6.0			8.0			8.0			8.0	7.0		10			8.5			7.0						10				
9	ĐINH CÔNG HỮU ĐẠT		6.0			3.0			6.0			7.0			9.0			9.0	7.0		9.0			6.5			5.0						9.0				

10	ĐINH NGUYỄN NGỌC ĐẠT		6.5			9.0			5.0			5.0			8.0			9.0	7.0		9.0			7.0			9.0						8.0				
11	VŨ TIẾN ĐẠT		9.0			9.0			8.0			5.0			8.0			9.0	7.0		9.0			7.0			8.0						8.0				
12	NGUYỄN HỒNG HÀ		7.0			2.0			7.0			5.0			8.0			9.0	7.5		9.0			7.5			4.0						8.0				
13	PHẠM NHẬT HẢI		6.0			10			7.0			3.0			9.0			9.0	8.0		10			7.0			7.0						10				
14	LÊ THU HIỀN		5.0			3.0			9.0			5.0			8.0			7.0	6.0		9.0			7.0			6.0						8.0				
15	LÊ ĐỨC HIẾU		9.0			6.0			8.0			10			8.0			9.0	8.0		9.0			7.0			8.0						9.0				
16	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG		8.0			8.5			8.0			9.0			8.0			8.0	6.0		9.0			7.5			8.0						8.0				
17	DƯƠNG TUẤN LAN		7.5			6.0			6.0			6.0			8.0			9.0	7.5		9.0			7.0			10						8.0				
18	ĐẶNG THỊ LAN		7.0			9.0			8.0			8.0			8.0			8.0	8.0		9.0			7.5			9.0						10				
19	HOÀNG TUỆ MINH		9.5			10			8.0			7.0			10			9.0	7.5		9.0			8.0			9.0						9.0				
20	VŨ QUANG MINH		4.5			6.5			7.0			5.0			9.0			9.0	6.5		9.0			8.0			4.0						8.0				
21	BÙI THỊ KIM NGÂN		8.0			9.0			7.0			10			9.0			9.0	8.0		10			7.5			6.0						10				
22	NGUYỄN THỊ BĂNG NGÂN		7.0			6.0			7.0			5.0			8.0			9.0	8.0		9.0			7.0			6.0						8.0				
23	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGỌC		6.0			7.0			7.0			5.0			9.0			9.0	6.5		9.0			7.5			8.0						8.0				
24	TRẦN THẢO NGỌC		7.0			8.0			9.0			8.0			8.0			9.0	5.5		9.0			8.5			9.0						8.0				
25	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG		5.5			7.0			7.0			9.0			8.0			8.0	8.0		9.0			7.0			9.0						9.0				
26	VŨ THU PHƯƠNG		4.5			4.5			7.0			5.0			8.0			8.0	6.5		9.0			8.5			8.0						9.0				
27	PHẠM THỊ PHƯỢNG		4.5			5.0			7.0			5.0			9.0			8.0	7.0		9.0			7.5			6.0						8.0				
28	NGUYỄN NGỌC QUỲNH		5.0			3.0			7.0			7.0			8.0			8.0	5.5		9.0			7.0			6.0						8.0				
29	NGUYỄN ĐỨC SƠN		5.0			9.5			8.0			6.0			8.0			8.0	8.5		9.0			8.0			7.0						8.0				
30	PHẠM THỊ THANH TÂM		5.0			5.0			8.0			7.0			9.0			8.0	7.0		9.0			8.5			7.0						8.0				
31	HOÀNG HƯƠNG THẢO		5.0			3.5			8.0			7.0			8.0			8.0	7.5		9.0			7.5			9.0						8.0				
32	TRẦN ĐỨC THẮNG		6.5			7.5			6.0			5.0			9.0			8.0	7.5		9.0			7.0			9.0						9.0				
33	NGUYỄN THỊ THU THỦY		9.0			9.0			6.0			10			8.0			9.0	8.0		10			8.5			9.0						10				
34	VŨ THỊ THANH TUYỀN		6.0			6.0			8.0			7.0			8.0			8.0	7.0		10			7.5			6.0						10				
35	NGUYỄN THỊ UYÊN		4.5			8.0			6.0			6.0			8.0			9.0	7.0		10			7.5			8.0						9.0				
36	TRẦN THỊ UYÊN		5.5			6.5			7.0			8.0			8.0			9.0	6.0		9.0			8.0			7.0						10				
37	ĐINH THỊ ÚT		8.0			8.5			8.0			10			8.0			9.0	7.5		10			7.0			9.0						10				
38			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
39			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
40			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
41			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
42			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A3

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	HOÀNG MINH ANH		4.0			8.0			6.0			7.0			8.0			8.0	5.5		9.0			7.5			7.0						7.0				
2	HỒ PHƯƠNG ANH		6.0			5.0			7.0			5.0			8.0			5.0	5.5		9.0			7.5			9.0						9.0				
3	PHẠM THỊ MAI ANH		9.0			9.0			9.0			8.0			10			8.5	8.5		8.0			7.0			10						10				
4	TRẦN QUỲNH ANH		9.0			6.0			8.0			9.0			9.0			8.0	8.5		9.0			8.5			8.0						7.0				
5	VŨ THỊ MINH ANH		9.0			8.0			8.0			8.0			9.0			7.0	6.0		8.0			8.0			7.0						8.0				
6	PHẠM NGỌC ÁNH		8.0			8.0			8.0			8.0			8.0			8.5	4.5		9.0			7.5			9.0						7.0				
7	HOÀNG HÀ BẮC		4.0			9.0			8.0			7.0			8.0			7.0	5.5		8.0			7.5			10						7.0				
8	BÙI VĂN CƯỜNG		8.0			3.0			7.0			8.0			9.0			7.0	6.0		8.0			7.0			7.0						8.0				
9	NGUYỄN THÙY DUNG		7.0			9.0			7.0			7.0			8.0			6.5	6.0		8.0			7.5			7.0						8.0				

10	HOÀNG KHÁNH DUY		6.0			6.0			7.0			8.0			8.0			7.0	7.0		9.0			8.0			8.0						7.0				
11	NGUYỄN XUÂN NGỌC ĐIỆP		5.0			9.0			9.0			8.0			8.0			8.0	7.5		9.0			7.5			9.0						9.0				
12	TRẦN NGỌC ĐIỆP		4.0			4.0			6.0			6.0			8.0			7.0	6.0		8.0			7.5			9.0						8.0				
13	NGUYỄN QUANG ĐỒNG		4.0			4.0			6.0			6.0			8.0			6.5	7.0		8.0			7.0			9.0						8.0				
14	NGUYỄN MINH ĐỨC		9.0			9.0			8.0			6.0			8.0			8.5	6.5		8.0			8.5			10						10				
15	TRẦN MẠNH HÀ		8.0			6.0			8.0			10			9.0			9.0	7.5		10			8.0			9.0						9.0				
16	BÙI MINH HIẾU		6.0			8.0			7.0			7.0			8.0			7.0	7.0		8.0			7.0			9.0						10				
17	NGUYỄN THỊ HỒNG		4.0			7.0			8.0			8.0			8.0			9.0	8.0		8.0			7.5			9.0						8.0				
18	VŨ THẾ HUY		8.0			10			8.0			7.0			8.0			8.0	4.5		8.0			7.5			10						10				
19	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN		5.0			10			7.0			7.0			9.0			8.0	6.5		10			8.5			7.0						7.0				
20	VŨ DIỆP LINH		7.0			6.0			8.0			6.0			9.0			9.0	6.0		10			8.0			8.0						7.0				
21	PHẠM THỊ KHÁNH LY		6.0			10			8.0			9.0			8.0			8.0	8.0		8.0			7.5			8.0						10				
22	ĐỖ ĐỨC MINH		5.0			8.0			7.0			5.0			8.0			6.5	6.5		8.0			6.5			7.0						8.0				
23	PHẠM TIẾN MINH		8.0			7.0			7.0			2.0			8.0			6.0	6.0		9.0			5.5			6.0						9.0				
24	TRẦN HÀ MY		6.0			5.0			8.0			5.0			9.0			8.0	8.0		9.0			7.5			10						9.0				
25	NGUYỄN THẢO NGUYÊN		9.0			9.0			8.0			8.0			8.0			7.0	6.0		9.0			7.0			9.0						7.0				
26	ĐẶNG DUY NINH		8.0			5.0			8.0			9.0			8.0			7.0	7.5		8.0			7.5			8.0						8.0				
27	NGÔ THỊ THANH PHƯƠNG		7.0			5.0			7.0			6.0			8.0			8.0	7.5		9.0			8.0			9.0						9.0				
28	NGUYỄN THÚY PHƯƠNG		4.0			9.0			7.0			7.0			9.0			8.5	6.5		9.0			8.0			7.0						9.0				
29	TỐNG LINH PHƯƠNG		8.0			8.0			7.0			5.0			9.0			8.0	6.5		8.0			7.5			9.0						10				
30	VŨ HOÀNG QUÂN		5.0			9.0			7.0			7.0			8.0			6.5	7.5		9.0			8.0			7.0						9.0				
31	LÊ THỊ QUỲNH		9.0			8.0			6.0			10			8.0			6.5	7.0		9.0			7.5			6.0						7.0				
32	PHẠM THÚY QUỲNH		6.0			9.0			9.0			9.0			9.0			7.5	7.5		8.0			7.0			8.0						10				
33	NGUYỄN THÙY TRANG		8.0			6.0			8.0			6.0			8.0			6.5	7.5		8.0			7.0			8.0						8.0				
34	HOÀNG MINH TRÍ		7.0			8.0			7.0			4.0			8.0			8.5	7.0		9.0			8.0			7.0						9.0				
35	VŨ THỊ TUYẾT		9.0			9.0			9.0			8.0			8.0			7.5	0		9.0			7.5			10						7.0				
36	ĐẶNG THU VÂN		7.0			10			8.0			8.0			9.0			7.0	5.0		9.0			7.0			9.0						8.0				
37	ĐOÀN HOÀNG VŨ		8.0			8.0			7.0			7.0			8.0			8.5	7.5		8.0			7.0			10						8.0				
38	VŨ THANH XUÂN		8.0			10			8.0			9.0			9.0			8.5	6.5		8.0			7.5			9.0						10				
39			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
40			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
41			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
42			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A4

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	BÙI HUYỀN ANH		9.0			10			8.0			10			9.0				8.0		9.0			7.5			9.0						9.0				
2	ĐINH HÀM NHẬT ANH		8.0			8.0			10			9.0			7.0				8.0		8.0			7.0			10						8.0				
3	NGÔ DUY ANH		7.0			8.0			5.0			6.0			7.0				6.5		8.0			7.5			6.0						9.0				
4	NGUYỄN ĐỨC ANH		7.0			6.0			7.0			7.0			8.0				2.0		8.0			7.5			5.0						8.0				
5	TRỊNH THỊ VÂN ANH		9.0			7.0			9.0			9.0			8.0				7.5		9.0			8.5			9.0						9.0				
6	ĐỖ CHÍ CƯỜNG		7.0			7.0			8.0			6.0			7.0				7.0		8.0			8.0			7.0						8.0				
7	PHẠM THẾ DUYỆT		7.0			8.0			5.0			3.0			7.0				4.5		8.0			7.0			6.0						8.0				
8	LÊ TIẾN ĐẠT		8.0			9.0			9.0			9.0			8.0				7.0		8.0			6.5			8.0						8.0				
9	PHẠM HẢI ĐỒNG		8.0			10			9.0			8.0			8.0				7.5		8.0			7.0			10						8.0				

10	BÙI ĐỨC HẬU		9.0			10			10			8.0			7.0				8.0		8.0			6.5			10						8.0				
11	BÙI THU HIỀN		8.0			8.0			9.0			8.0			9.0				8.0		8.0			6.0			10						8.0				
12	VŨ TRUNG HIẾU		9.0			10			10			10			8.0				6.0		8.0			6.5			7.0						8.0				
13	HOÀNG THỊ THU HUYỀN		7.0			7.0			10			7.0			8.0				7.5		8.0			7.0			8.0						8.0				
14	VŨ LAN HƯƠNG		7.0			7.0			10			7.0			8.0				8.0		9.0			7.5			7.0						9.0				
15	VŨ THỊ MỸ LỆ		8.0			7.0			9.0			8.0			8.0				7.5		9.0			7.0			8.0						9.0				
16	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH		7.0			6.0			7.0			5.0			8.0				7.0		9.0			7.0			8.0						8.0				
17	ĐỖ ĐÌNH LONG		9.0			9.0			9.0			9.0			9.0				7.0		8.0			8.0			6.0						9.0				
18	NGÔ THỊ HẰNG MY		7.0			6.0			10			10			8.0				8.0		9.0			7.5			8.0						9.0				
19	LÊ KIM MỸ		8.0			7.0			10			6.0			8.0				8.0		8.0			7.0			9.0						9.0				
20	TRẦN HẢI NAM		8.0			7.0			9.0			10			9.0				8.0		9.0			7.5			6.0						9.0				
21	TRẦN HỒNG NHUNG		9.0			7.0			10			10			8.0				6.0		9.0			7.0			9.0						9.0				
22	ĐỖ THỊ OANH		8.0			7.0			7.0			10			7.0				7.0		8.0			8.5			8.0						8.0				
23	MẠC THỊ KIM OANH		8.0			7.0			6.0			8.0			8.0				7.0		8.0			7.0			6.0						8.0				
24	PHẠM THỊ OANH		8.0			7.0			10			9.0			8.0				8.5		9.0			7.5			10						8.0				
25	NGUYỄN THU PHƯƠNG		7.0			7.0			8.0			7.0			8.0				7.0		8.0			8.0			8.0						8.0				
26	HOÀNG VĂN QUANG		9.0			9.0			10			8.0			9.0				7.5		8.0			7.5			7.0						9.0				
27	TRẦN DUY QUÂN		7.0			6.0			9.0			7.0			8.0				4.5		8.0			7.0			8.0						8.0				
28	NGUYỄN THÚY QUỲNH		8.0			6.0			10			7.0			7.0				6.0		9.0			8.5			8.0						9.0				
29	NGUYỄN VĂN THÀNH		7.0			7.0			9.0			6.0			8.0				4.0		8.0			7.0			9.0						9.0				
30	VŨ QUANG THẮNG		9.0			10			10			9.0			9.0				8.0		8.0			7.0			10						8.0				
31	TRƯƠNG QUỐC TIẾN		9.0			7.0			9.0			8.0			7.0				6.5		9.0			7.5			10						9.0				
32	BÙI PHƯƠNG TRANG		8.0			9.0			8.0			9.0			7.0				7.5		8.0			7.0			8.0						8.0				
33	PHẠM GIA TRANG		7.0			8.0			10			9.0			8.0				7.5		8.0			8.5			9.0						9.0				
34	NGUYỄN VÕ ANH TRƯỜNG		8.0			9.0			10			7.0			7.0				6.5		9.0			7.0			10						9.0				
35	PHẠM VĂN TUẤN		8.0			8.0			8.0			8.0			8.0				7.5		8.0			7.5			10						9.0				
36	VŨ NGỌC TÚ		8.0			9.0			8.0			7.0			7.0				7.0		8.0			8.0			9.0						8.0				
37	LÊ TỐ UYÊN		8.0			7.0			9.0			7.0			9.0				7.5		8.0			7.5			9.0						9.0				
38	ĐINH THẢO VÂN		7.0			6.0			6.0			5.0			8.0				7.0		8.0			7.5			7.0						8.0				
39	NGUYỄN THÚY VÂN		9.0			7.0			9.0			8.0			7.0				6.5		8.0			7.0			8.0						8.0				
40	BÙI THỊ HẢI YẾN		7.0			7.0			8.0			2.0			8.0				8.0		9.0			7.0			9.0						9.0				
41																																					
42																																					
43																																					
44																																					
45																																					
46																																					
47																																					

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A5

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	BÙI PHƯƠNG ANH		9.0			10			10			10			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0			10						9.0				
2	ĐINH THỊ VÂN ANH		7.0			9.0			8.0			8.0			9.0			8.0	7.5		8.0			8.5			9.0						10				
3	ĐỖ TRÂM ANH		9.0			8.5			9.0			10			9.0			8.0	7.5		8.0			8.0			8.0						9.0				
4	NGUYỄN HOÀNG ANH		10			9.0			8.0			9.0			7.0			7.0	6.0		9.0			8.5			9.0						9.0				
5	NGUYỄN VÂN ANH		9.0			7.0			10			8.0			8.0			8.0	7.0		9.0			8.0			9.0						9.0				
6	NGUYỄN VIỆT ANH		10			10			10			9.0			9.0			7.0	6.0		8.0			8.0			9.0						9.0				
7	PHAN HẢI ANH		9.0			9.0			9.0			9.0			9.0			8.0	8.0		9.0			7.5			9.0						9.0				
8	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI		9.0			10			9.0			10			9.0			8.0	7.0		8.0			7.5			9.0						10				
9	PHẠM LAN CHI		8.0			10			8.0			10			9.0			9.0	8.0		8.0			8.0			10						9.0				

10	ĐỖ TIẾN DŨNG		7.0			7.0			10			10			9.0			8.0	7.5		8.0			8.0			8.0						10				
11	NGUYỄN NGỌC DŨNG		9.0			8.0			8.0			8.0			10			8.0	7.5		8.0			8.5			9.0						10				
12	HOÀNG MINH ĐỨC		10			8.0			6.0			10			8.0			8.0	7.0		8.0			7.5			8.0						9.0				
13	NGUYỄN MINH ĐỨC		9.0			9.0			7.0			8.0			9.0			8.0	7.0		9.0			7.5			8.0						9.0				
14	LÊ NGUYỄN MINH HÀ		9.0			7.0			7.0			10			9.0			8.0	7.0		9.0			8.5			8.0						9.0				
15	NGUYỄN THẢO HIỀN		7.0			7.5			7.0			10			9.0			8.0	7.5		8.0			8.0			8.0						10				
16	ĐỖ MINH HIẾU		10			6.5			10			10			7.0			7.0	6.5		9.0			8.5			8.0						9.0				
17	NGUYỄN MINH HIẾU		9.0			8.0			10			10			9.0			8.0	7.0		9.0			8.0			9.0						9.0				
18	VŨ NGỌC HIẾU		9.0			6.5			8.0			6.0			8.0			8.0	8.0		8.0			7.5			8.0						10				
19	PHẠM THỊ XUÂN HÒA		9.0			10			9.0			9.0			9.0			7.0	6.5		8.0			8.0			9.0						9.0				
20	MẠC HƯƠNG HUYỀN		9.0			8.0			7.0			8.0			9.0			8.0	8.0		8.0			8.5			8.0						10				
21	NGUYỄN THU HUYỀN		9.0			8.0			8.0			7.0			8.0			9.0	8.5		8.0			7.5			8.0						9.0				
22	NGUYỄN MẠNH HÙNG		9.0			8.0			8.0			8.0			8.0			8.0	7.0		8.0			8.0			8.0						9.0				
23	LÊ KHÁNH LINH		9.0			8.0			9.0			10			9.0			8.0	7.5		8.0			8.5			8.0						9.0				
24	NGUYỄN HIỀN LINH		0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
25	VŨ THÙY LINH		10			8.5			10			9.0			8.0			8.0	8.0		8.0			7.5			10						10				
26	NGUYỄN SỸ LONG		7.0			8.0			10			8.0			9.0			7.0	6.5		8.0			8.5			8.0						9.0				
27	DƯ THẢO LY		10			9.0			7.0			9.0			9.0			8.0	7.5		8.0			7.5			8.0						9.0				
28	LÊ NGỌC MAI		10			10			9.0			10			10			9.0	8.5		9.0			8.5			9.0						10				
29	NGUYỄN NGỌC MAI		9.0			10			7.0			9.0			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0			9.0						9.0				
30	NGÔ HẢI MINH		10			10			6.0			10			8.0			8.0	7.0		8.0			8.0			9.0						9.0				
31	NGUYỄN QUỲNH NGA		9.0			8.5			9.0			9.0			8.0			7.0	6.5		8.0			8.5			8.0						9.0				
32	ĐOÀN MINH NGỌC		10			8.5			9.0			10			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0			9.0						9.0				
33	HOÀNG BÍCH NGỌC		9.0			9.0			9.0			10			9.0			7.0	6.5		8.0			8.5			10						9.0				
34	NGUYỄN HOÀNG MINH NGỌC		9.0			10			8.0			10			10			7.0	6.5		8.0			8.0			9.0						9.0				
35	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG		9.0			10			10			10			8.0			8.0	8.0		8.0			8.5			9.0						9.0				
36	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN		8.0			10			7.0			6.0			8.0			8.0	7.0		8.0			7.5			8.0						9.0				
37	PHẠM VIỆT THÀNH		7.0			8.5			9.0			8.0			10			8.0	7.0		8.0			7.5			8.0						10				
38	ĐOÀN MINH THẢO		9.0			10			9.0			10			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0			9.0						9.0				
39	BÙI THỊ HỒNG TRANG		8.0			8.0			8.0			4.0			8.0			8.0	7.5		9.0			8.5			8.0						9.0				
40	PHẠM MINH TUẤN		7.0			6.5			7.0			7.0			7.0			7.0	6.0		9.0			7.5			8.0						10				
41	NGUYỄN HÀ XUYÊN		9.0			9.0			9.0			10			10			8.0	8.0		9.0			8.5			9.0						9.0				
42			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A6

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	PHAN NGỌC ÁNH		9.0			10			10			9.0			9.0				8.5		8.0			10			9.0						7.0				
2	NGUYỄN THÁI BÌNH		8.0			3.0			10			10			8.0				6.5		7.0			7.0			7.0						8.0				
3	TRẦN ĐẶNG CƯỜNG		9.0			8.0			10			9.0			9.0				6.5		8.0			9.0			9.0						8.0				
4	NGUYỄN TRẦN DOANH		9.0			9.5			10			5.0			9.0				5.5		7.0			9.0			8.0						7.0				
5	LƯU THỊ MỸ DUYÊN		9.0			8.0			10			9.0			9.0				8.5		8.0			10			9.0						7.0				
6	NGUYỄN ĐỨC MINH ĐẠT		9.0			8.0			10			9.0			8.0				7.0		8.0			10			7.0						7.0				
7	NGUYỄN MẠNH ĐẠT		8.0			7.0			10			8.0			8.0				7.5		8.0			10			7.0						7.0				
8	ĐẶNG HOÀNG HÀ		9.0			8.0			10			9.0			7.0				7.0		8.0			9.0			10						8.0				
9	NGUYỄN HẢI HÀ		9.0			5.0			10			10			8.0				7.5		8.0			10			8.0						7.0				

10	NGUYỄN NGỌC HÀ		10			8.0			10			10			9.0				7.5		8.0			10			8.0						7.0				
11	NGUYỄN THÚY HÀ		8.0			8.0			10			6.0			9.0				8.5		8.0			10			9.0						9.0				
12	DƯƠNG THANH HẢI		8.0			8.0			10			9.0			8.0				7.0		8.0			10			9.0						8.0				
13	TẠ HỒNG HẢI		8.0			7.0			10			8.0			7.0				8.5		7.0			9.0			9.0						7.0				
14	TẠ MINH HIẾU		9.0			9.0			10			9.0			9.0				5.5		8.0			10			8.0						8.0				
15	NGUYỄN THU HÒA		9.0			6.0			9.0			9.0			7.0				8.5		8.0			9.0			9.0						8.0				
16	NGÔ QUANG HÙNG		7.0			9.0			9.0			9.0			9.0				8.0		7.0			9.0			9.0						8.0				
17	ĐẶNG HÀ VIỆT KHÁNH		9.0			6.0			10			10			10				7.5		9.0			10			8.0						7.0				
18	VŨ MINH KHÁNH		9.0			6.0			10			5.0			8.0				8.0		8.0			9.0			6.0						8.0				
19	NGUYỄN NHẬT KHẢI		10			5.0			10			9.0			9.0				8.5		8.0			9.0			10						9.0				
20	NGUYỄN HÀ KỲ		7.0			7.0			10			8.0			6.0				7.0		9.0			9.0			9.0						7.0				
21	MAI KHÁNH LINH		9.0			5.0			10			9.0			7.0				6.5		7.0			10			6.0						7.0				
22	PHẠM LÊ HOÀNG LONG		9.0			6.5			10			8.0			10				7.0		8.0			10			8.0						7.0				
23	HUỲNH BẢO MINH		6.0			6.5			10			5.0			8.0				6.0		8.0			8.0			10						8.0				
24	LÊ ĐỨC MINH		9.0			10			10			9.0			9.0				9.0		8.0			9.0			8.0						9.0				
25	NGUYỄN HOÀNG MINH		9.0			3.0			9.0			9.0			8.0				8.0		8.0			10			8.0						8.0				
26	NGUYỄN HẢI NAM		9.0			8.5			10			10			9.0				9.0		7.0			9.0			10						9.0				
27	NGUYỄN THÀNH NAM		10			7.0			9.0			9.0			7.0				8.0		8.0			9.0			9.0						8.0				
28	VŨ TRỌNG NGHĨA		9.0			9.5			10			9.0			8.0				5.5		8.0			9.0			9.0						8.0				
29	PHẠM HỒNG NHUNG		10			5.5			10			0			7.0				7.5		8.0			9.0			9.0						8.0				
30	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG		10			8.0			10			9.0			9.0				7.5		8.0			9.0			9.0						7.0				
31	NGÔ HOÀNG PHƯỢNG		9.0			9.0			10			9.0			9.0				8.0		8.0			9.0			9.0						8.0				
32	LÊ THANH THẢO		10			10			10			9.0			7.0				8.0		9.0			10			9.0						7.0				
33	NGUYỄN LAN THU		8.0			5.0			9.0			10			9.0				7.5		8.0			10			8.0						8.0				
34	NGUYỄN THU THỦY		9.0			4.0			9.0			9.0			8.0				8.5		8.0			10			9.0						8.0				
35	HOÀNG BẢO TRÂM		8.0			10			10			9.0			9.0				8.5		8.0			10			10						7.0				
36	VŨ THỊ KIỀU TRINH		8.0			5.0			10			8.0			10				8.0		8.0			9.0			9.0						7.0				
37	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG		9.0			7.0			10			8.0			9.0				8.5		8.0			10			9.0						7.0				
38	PHẠM MINH TRƯỜNG		8.0			6.0			10			9.0			9.0				9.0		8.0			8.0			8.0						8.0				
39	LÊ PHONG VŨ		5.0			7.0			9.0			5.0			7.0				7.0		8.0			8.0			7.0						8.0				
40	NGUYỄN YẾN VY		9.0			7.0			9.0			9.0			8.0				7.5		8.0			10			9.0						8.0				
41			0			0			0			0			0				0		0			0			0						0				
42			0			0			0			0			0				0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0				0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0				0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0				0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0				0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0				0		0			0			0						0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A7

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	BÙI VIỆT ANH		9.0			10			10			9.0			9.0			7.0	8.0		8.0			8.0			8.0						7.0				
2	HÀ QUỲNH ANH		10			10			7.0			6.0			8.0			6.0	7.0		8.0			10			8.0						7.0				
3	LÊ THỊ LAN ANH		7.0			8.0			9.0			6.0			9.0			6.0	7.5		8.0			10			8.0						7.0				
4	NGÔ SÁCH QUỐC ANH		9.0			5.0			7.0			8.0			10			7.0	7.5		7.0			9.0			8.0						8.0				
5	NGUYỄN PHAN LÊ ANH		7.0			10			10			7.0			9.0			7.0	6.5		8.0			8.0			7.0						7.0				
6	TRỊNH THỊ QUỲNH ANH		9.0			10			6.0			7.0			8.0			6.0	6.5		8.0			9.0			7.0						6.0				
7	ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH		8.0			8.0			8.0			5.0			8.0			7.0	6.5		8.0			9.0			8.0						7.0				
8	LÊ NGỌC ÁNH		9.0			10			10			10			9.0			8.0	8.0		8.0			10			9.0						7.0				
9	LÊ ANH DŨNG		9.0			9.0			9.0			9.0			8.0			6.0	6.0		8.0			9.0			3.0						7.0				

10	TRỊNH THỊ QUỲNH DƯƠNG		7.0			9.0			9.0			8.0			8.0			6.0	7.0		8.0			10			8.0						7.0				
11	VŨ QUANG ĐỨC		8.0			9.0			10			10			8.0			7.0	5.0		8.0			9.0			9.0						7.0				
12	MAI THỊ HƯƠNG GIANG		10			9.0			10			5.0			8.0			7.0	7.0		8.0			10			9.0						6.0				
13	LÊ MINH HIẾU		10			10			10			10			9.0			8.0	6.5		8.0			9.0			6.0						8.0				
14	PHẠM VĂN HOÀNG		8.0			9.0			8.0			9.0			8.0			7.0	6.0		8.0			9.0			6.0						8.0				
15	VŨ THỊ ÁNH HỒNG		5.0			6.0			6.0			5.0			8.0			8.0	0		8.0			9.0			2.0						7.0				
16	NGUYỄN QUANG HUY		8.0			5.0			9.0			10			8.0			7.0	7.5		9.0			9.0			7.0						7.0				
17	NGUYỄN MỸ HUYỀN		7.0			5.0			8.0			8.0			8.0			7.0	8.0		8.0			9.0			9.0						8.0				
18	VŨ NGỌC HÙNG		9.0			10			7.0			9.0			7.0			7.0	6.0		8.0			0			8.0						7.0				
19	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ		9.0			9.0			8.0			7.0			8.0			9.0	6.0		9.0			9.0			7.0						7.0				
20	VŨ THỊ HỒNG LIÊN		6.0			5.0			7.0			8.0			7.0			6.0	7.0		9.0			10			8.0						7.0				
21	ĐINH TÔ LINH		9.0			10			10			10			8.0			8.0	7.5		8.0			8.0			7.0						8.0				
22	NGUYỄN HẢI LINH		10			10			9.0			8.0			7.0			7.0	6.0		8.0			9.0			7.0						8.0				
23	NGUYỄN MAI LINH		9.0			9.0			9.0			10			8.0			7.0	7.0		8.0			10			6.0						7.0				
24	PHẠM HOÀNG KHÁNH LINH		10			10			9.0			9.0			7.0			8.0	5.0		8.0			9.0			9.0						8.0				
25	PHẠM THÙY LINH		8.0			9.0			8.0			5.0			8.0			7.0	6.0		7.0			10			7.0						8.0				
26	VŨ KHẮC LỢI		6.0			5.0			8.0			7.0			7.0			5.0	5.0		7.0			9.0			8.0						7.0				
27	ĐINH THỊ THANH MAI		8.0			10			7.0			10			8.0			7.0	0		8.0			8.0			6.0						7.0				
28	NGUYỄN QUANG MINH		10			10			9.0			10			9.0			7.0	7.0		7.0			9.0			7.0						8.0				
29	VŨ MINH NGUYỆT		8.0			9.0			7.0			7.0			8.0			7.0	6.5		8.0			8.0			6.0						6.0				
30	TRẦN THỊ NHUNG		9.0			7.0			8.0			8.0			8.0			7.0	6.0		8.0			9.0			7.0						6.0				
31	NGUYỄN MẠNH QUÂN		8.0			10			10			10			9.0			7.0	7.5		8.0			9.0			9.0						6.0				
32	PHẠM MINH QUÂN		8.0			10			7.0			8.0			9.0			8.0	5.5		8.0			0			2.0						6.0				
33	LÊ CHÍ THANH		7.0			9.0			10			7.0			8.0			6.0	5.5		8.0			0			8.0						8.0				
34	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO		9.0			10			7.0			8.0			8.0			8.0	8.5		8.0			9.0			7.0						6.0				
35	PHẠM HƯƠNG THẢO		8.0			9.0			8.0			10			9.0			7.0	7.5		8.0			9.0			7.0						7.0				
36	PHAN THU TRANG		9.0			9.0			8.0			8.0			8.0			8.0	8.0		8.0			9.0			7.0						6.0				
37	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG		6.0			6.0			7.0			7.0			9.0			6.0	6.5		8.0			9.0			6.0						7.0				
38	ĐẶNG THANH VÂN		9.0			9.0			9.0			7.0			7.0			6.0	6.0		8.0			10			8.0						7.0				
39	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN		5.0			10			8.0			7.0			7.0			6.0	6.5		8.0			10			7.0						6.0				
40			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
41			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
42			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A8

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	HOÀNG NGỌC ANH		9.0			6.0			7.0			6.0			7.0			8.0	8.0		10			9.0			5.0						6.0				
2	TRỊNH THỊ VÂN ANH		5.0			7.5			8.0			6.0			8.0			8.0	6.0		10			10			7.0						8.0				
3	ĐỖ HẢI BÌNH		8.0			9.0			8.0			10			10			9.0	7.0		10			10			5.0						8.0				
4	BÙI HUY ĐẠT		7.0			6.0			7.0			8.0			9.0			9.0	7.0		10			10			9.0						8.0				
5	TRẦN THANH HẰNG		5.0			7.0			7.0			8.0			9.0			9.0	7.5		10			9.0			9.0						6.0				
6	VŨ THỊ HẰNG		9.0			9.5			7.0			8.0			9.0			9.0	8.0		10			10			5.0						8.0				
7	LÊ THỊ HIỀN		6.0			10			7.0			8.0			8.0			8.0	6.5		10			10			4.0						8.0				
8	BÙI THỊ HUYỀN		9.0			6.0			7.0			10			9.0			9.0	8.0		10			9.0			7.0						6.0				
9	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG		6.0			8.5			8.0			4.0			8.0			7.0	6.0		10			9.0			8.0						8.0				

10	PHẠM THỊ MAI HƯƠNG		8.0			6.0			8.0			8.0			9.0			9.0	8.0		10			9.0			8.0						8.0				
11	HOÀNG THỊ KHÁNH		7.0			9.0			7.0			10			9.0			7.0	7.0		10			10			3.0						8.0				
12	LÊ PHƯƠNG LINH		7.0			8.0			7.0			6.0			8.0			8.0	7.5		10			9.0			8.0						8.0				
13	NGUYỄN THỊ HÀ LINH		9.0			8.5			7.0			6.0			9.0			9.0	6.5		10			9.0			6.0						8.0				
14	BÙI THỊ LOAN		9.0			8.0			7.0			8.0			9.0			9.0	7.5		10			9.0			7.0						6.0				
15	PHAN THỊ NHƯ LOAN		7.0			6.0			7.0			10			7.0			9.0	7.0		10			10			7.0						6.0				
16	BÙI THỊ NGA		5.0			6.0			8.0			6.0			8.0			7.0	6.0		10			9.0			9.0						8.0				
17	TRẦN THỊ THU NGA		7.0			7.0			8.0			6.0			7.0			8.0	7.5		10			9.0			6.0						8.0				
18	VŨ KIM NGÂN		6.0			7.5			9.0			10			9.0			9.0	7.5		10			9.0			9.0						8.0				
19	VŨ BẢO NGỌC		6.0			8.5			7.0			6.0			8.0			7.0	7.0		10			9.0			9.0						8.0				
20	ĐỖ THỊ THẢO NGUYÊN		9.0			8.5			8.0			10			9.0			9.0	9.0		10			9.0			9.0						8.0				
21	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG		5.0			5.0			7.0			6.0			9.0			7.0	7.0		10			10			6.0						6.0				
22	NGUYỄN THỊ DIỆU NINH		10			7.0			8.0			10			10			9.0	8.5		10			10			7.0						8.0				
23	VŨ THỊ MINH OANH		6.0			6.0			7.0			10			9.0			9.0	6.0		10			10			8.0						6.0				
24	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO		9.0			8.5			7.0			8.0			9.0			9.0	8.5		10			10			10						8.0				
25	NGUYỄN KIỀU TRANG		6.0			6.0			7.0			8.0			9.0			9.0	7.0		10			10			2.0						8.0				
26	TÔ THỊ HUYỀN TRANG		5.0			8.0			7.0			8.0			8.0			7.0	8.5		10			10			3.0						8.0				
27	NGUYỄN VĂN TUẤN		7.0			8.0			7.0			6.0			7.0			8.0	7.0		10			10			6.0						8.0				
28	ĐỖ HÀ VY		10			10			7.0			8.0			9.0			9.0	8.0		10			9.0			7.0						8.0				
29			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
30			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
31			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
32			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
33			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
34			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
35			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
36			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
37			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
38			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
39			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
40			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
41			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
42			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A9

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN PHƯƠNG ANH		8.0			5.0			7.0			10			8.0			9.0	8.0		9.0			10			8.0						6.0				
2	TRẦN LAN ANH		9.0			5.0			8.0			10			7.0			8.0	8.0		9.0			10			9.0						7.0				
3	NGUYỄN NGỌC LAN CHI		9.0			7.0			7.0			10			8.0			9.0	9.0		9.0			10			9.0						9.0				
4	ĐỖ THÙY DUNG		9.0			3.0			7.0			10			8.0			9.0	7.5		8.0			10			8.0						7.0				
5	PHẠM TIẾN DŨNG		9.0			7.0			7.0			10			9.0			6.0	6.0		8.0			9.0			9.0						6.0				
6	NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC		9.5			4.0			8.0			8.0			9.0			10	9.0		9.0			10			9.0						7.0				
7	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG		9.0			10			10			8.0			8.0			6.0	6.5		8.0			9.0			9.0						6.0				
8	PHẠM HOÀNG NGÂN GIANG		9.0			7.0			8.0			10			7.0			9.0	8.5		9.0			10			9.0						7.0				
9	VŨ LÊ NGÂN GIANG		9.0			9.0			8.0			8.0			8.0			9.0	8.5		9.0			9.0			9.0						9.0				

10	LÊ VIỆT HÀ		9.0			7.0			8.0			10			8.0			9.0	7.5		9.0			10			9.0						9.0				
11	NGUYỄN NGỌC HÀ		9.0			5.0			7.0			10			7.0			9.0	6.5		9.0			10			9.0						7.0				
12	TRẦN THỊ NGÂN HÀ		9.0			9.0			7.0			10			8.0			8.0	6.5		8.0			10			9.0						9.0				
13	TRẦN NGUYỄN MINH HẠNH		9.0			6.0			8.0			10			9.0			7.0	9.0		9.0			10			9.0						7.0				
14	LƯU THỊ THANH HẰNG		9.0			7.0			7.0			10			8.0			6.0	8.0		8.0			10			9.0						6.0				
15	NGUYỄN MINH HẰNG		8.0			6.0			7.0			8.0			8.0			9.0	7.0		9.0			9.0			8.0						6.0				
16	PHẠM PHI HOÀNG		9.5			6.0			7.0			8.0			8.0			9.0	8.5		8.0			9.0			9.0						7.0				
17	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN		9.0			7.0			8.0			10			8.0			8.0	6.5		8.0			9.0			8.0						6.0				
18	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN		8.0			6.0			8.0			10			7.0			8.0	7.5		9.0			9.0			8.0						6.0				
19	PHẠM THỊ THU HUYỀN		9.0			9.0			7.0			10			8.0			9.0	8.0		8.0			9.0			10						9.0				
20	NGUYỄN HUỆ LÃM		8.5			6.0			8.0			10			9.0			7.0	6.5		8.0			10			9.0						6.0				
21	NGUYỄN NGỌC LY		9.0			6.0			7.0			10			8.0			8.0	7.5		8.0			10			9.0						9.0				
22	VŨ PHƯƠNG LY		2.0			4.0			8.0			10			7.0			10	8.0		9.0			10			9.0						7.0				
23	TRẦN ĐỖ HẢI NAM		9.0			7.0			8.0			6.0			9.0			6.0	6.5		8.0			9.0			9.0						6.0				
24	ĐINH THỊ HẢI NGÂN		9.0			5.0			7.0			10			8.0			7.0	6.5		7.0			10			8.0						9.0				
25	HOÀNG TRÍ NHÂN		8.0			7.0			7.0			8.0			7.0			6.0	7.5		8.0			9.0			9.0						6.0				
26	ĐẶNG TÂM NHI		9.0			7.0			8.0			10			9.0			8.0	7.0		8.0			10			9.0						6.0				
27	TRẦN PHƯƠNG NHUNG		9.0			4.0			8.0			10			8.0			8.0	8.0		9.0			10			9.0						7.0				
28	BÙI BÍCH PHƯƠNG		9.5			8.0			8.0			10			8.0			9.0	7.0		9.0			10			8.0						6.0				
29	ĐOÀN HƯƠNG THẢO		9.0			4.0			9.0			6.0			8.0			7.0	7.0		8.0			10			8.0						6.0				
30	ĐOÀN THỊ THẢO		8.5			10			9.0			10			7.0			8.0	7.0		8.0			10			10						9.0				
31	HOÀNG ĐỨC THĂNG		9.5			7.0			8.0			8.0			8.0			6.0	7.5		9.0			9.0			9.0						6.0				
32	ĐẶNG THANH THỦY		9.5			10			7.0			10			7.0			7.0	8.0		9.0			10			9.0						6.0				
33	ĐOÀN THỊ HIỀN THƯƠNG		9.5			10			7.0			10			7.0			7.0	8.0		9.0			10			9.0						6.0				
34	VŨ THỊ THU TRANG		4.0			5.0			7.0			10			8.0			8.0	7.5		9.0			9.0			9.0						6.0				
35	NGUYỄN NGỌC TUẤN		9.0			5.0			8.0			10			7.0			7.0	7.5		8.0			9.0			9.0						9.0				
36	CAO VIỆT TÙNG		2.0			7.0			7.0			10			8.0			8.0	8.0		8.0			9.0			9.0						6.0				
37	DƯƠNG LONG VŨ		9.0			7.0			7.0			10			7.0			7.0	7.5		8.0			10			9.0						9.0				
38	NGUYỄN VŨ		8.0			3.0			7.0			10			8.0			6.0	7.5		8.0			8.0			8.0						6.0				
39	NGUYỄN ĐỨC VƯƠNG		2.0			6.0			7.0			10			7.0			7.0	6.5		8.0			8.0			8.0						6.0				
40	ĐÀO YẾN VY		2.0			7.0			8.0			10			8.0			8.0	7.5		8.0			10			9.0						7.0				
41			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
42			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				

ĐIỂM HỌC TẬP THÁNG 9 LỚP 12A10

STT	HỌ VÀ TÊN	Toán			Lí			Hóa			Sinh			Tin			Văn			Sử			Địa			T.Anh			GDCD			Công nghệ			QPAN		
		M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p	M	15p	45p
1	NGUYỄN TÂM ANH		9.0			8.0			9.0			6.0			8.0			7.0	6.5		9.0			9.0			8.0						8.0				
2	NGUYỄN THẾ ANH		7.0			9.0			10			8.0			9.0			9.0	7.0		8.0			9.0			8.0						7.0				
3	TRẦN THỊ TRÂM ANH		8.0			7.0			10			6.0			8.0			9.0	6.5		9.0			10			8.0						7.0				
4	ĐẶNG NGỌC BÁCH		6.0			5.0			9.0			8.0			7.0			7.0	5.5		8.0			8.0			8.0						7.0				
5	LÊ TIẾN DŨNG		8.0			7.0			9.0			8.0			9.0			7.0	5.5		8.0			9.0			8.0						7.0				
6	NGUYỄN TIẾN ĐẠT		8.0			6.0			9.0			6.0			8.0			7.0	6.5		8.0			9.0			8.0						8.0				
7	LÊ ANH ĐỨC		8.0			8.0			9.0			6.0			8.0			8.0	7.0		8.0			9.0			7.0						7.0				
8	NGUYỄN HUY ĐỨC		9.0			7.0			9.0			8.0			8.0			9.0	6.0		7.0			9.0			7.0						7.0				
9	TRẦN MINH ĐỨC		6.0			6.0			9.0			6.0			8.0			6.0	7.5		8.0			9.0			8.0						8.0				

10	VŨ NGUYỆT HÀ		9.0			6.0			10			10			9.0			9.0	8.0		9.0			9.0			8.0						7.0				
11	PHẠM THỊ THU HIỀN		9.0			8.0			9.0			10			7.0			8.0	7.5		9.0			10			8.0						7.0				
12	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA		8.0			6.0			9.0			7.0			8.0			7.0	7.0		8.0			10			9.0						8.0				
13	VŨ NGỌC HUY		8.0			6.0			10			8.0			7.0			6.0	6.5		8.0			9.0			7.0						8.0				
14	PHẠM NGỌC KHÁNH		7.0			6.0			9.0			6.0			7.0			7.0	4.5		9.0			8.0			8.0						7.0				
15	TRẦN NGỌC KHÁNH		8.0			7.0			9.0			8.0			7.0			7.0	6.0		8.0			9.0			8.0						8.0				
16	LÊ MAI LINH		8.0			6.0			10			6.0			7.0			7.0	7.5		8.0			10			9.0						7.0				
17	LÊ NGỌC LINH		8.0			6.0			10			10			8.0			8.0	6.5		7.0			10			8.0						7.0				
18	PHẠM THỊ MỸ LINH		7.0			9.0			9.0			10			7.0			8.0	6.5		8.0			10			7.0						7.0				
19	NGÔ BÌNH MINH		9.0			9.0			10			8.0			7.0			7.0	7.0		7.0			8.0			9.0						7.0				
20	VŨ VĂN MINH		7.0			7.0			9.0			7.0			9.0			7.0	8.0		8.0			8.0			9.0						7.0				
21	HOÀNG MINH NAM		6.0			6.0			9.0			6.0			8.0			7.0	5.5		8.0			10			9.0						7.0				
22	PHẠM HỮU NAM		7.0			9.0			9.0			8.0			8.0			9.0	5.0		9.0			9.0			6.0						7.0				
23	VŨ HỒNG KHÁNH NGÂN		7.0			7.0			9.0			6.0			8.0			8.0	5.5		8.0			10			6.0						7.0				
24	NGUYỄN BẠCH NHẬT		8.0			6.0			10			6.0			8.0			8.0	6.5		8.0			9.0			7.0						7.0				
25	NGUYỄN ĐỨC PHÚC		8.0			7.0			10			10			9.0			7.0	6.0		8.0			9.0			8.0						7.0				
26	HÀ THU PHƯƠNG		10			9.0			10			8.0			8.0			7.0	9.0		9.0			9.0			6.0						7.0				
27	LƯƠNG HOA PHƯƠNG		9.0			5.0			9.0			10			7.0			9.0	6.5		8.0			9.0			8.0						7.0				
28	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG		8.0			8.0			10			8.0			8.0			7.0	8.0		9.0			9.0			7.0						7.0				
29	NGUYỄN ĐỨC QUANG		9.0			8.0			9.0			6.0			9.0			8.0	5.0		8.0			9.0			9.0						7.0				
30	ĐẶNG THÁI SƠN		8.0			6.0			9.0			8.0			8.0			7.0	5.0		9.0			8.0			7.0						7.0				
31	NGUYỄN HUY TÂM		9.0			7.0			9.0			8.0			8.0			7.0	6.0		8.0			9.0			8.0						7.0				
32	VŨ THỊ THANH TÂM		6.0			7.0			10			10			8.0			8.0	7.5		9.0			8.0			7.0						7.0				
33	LẠI NHẬT TÂN		9.0			10			9.0			8.0			9.0			7.0	8.0		8.0			9.0			9.0						7.0				
34	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO		7.0			7.0			9.0			10			8.0			6.0	9.0		9.0			10			7.0						8.0				
35	VŨ MINH THUẬN		9.0			7.0			9.0			10			9.0			7.0	8.0		8.0			9.0			6.0						7.0				
36	DƯƠNG THU TRANG		8.0			6.0			9.0			6.0			8.0			7.0	6.5		8.0			10			8.0						8.0				
37	ĐỖ BẢO TRUNG		8.0			3.0			10			8.0			8.0			7.0	6.5		8.0			9.0			7.0						7.0				
38	LÊ THANH TÙNG		9.0			5.0			9.0			10			8.0			7.0	5.5		9.0			9.0			8.0						7.0				
39	NGUYỄN THỊ THU UYÊN		7.0			9.0			10			8.0			9.0			7.0	6.0		9.0			10			8.0						8.0				
40	ĐỖ THÙY XA		7.0			9.0			9.0			10			8.0			7.0	7.5		8.0			9.0			9.5						8.0				
41			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
42			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
43			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
44			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
45			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
46			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				
47			0			0			0			0			0			0	0		0			0			0						0				